

Phần III

THÀNH LẬP MẶT TRẬN VIỆT MINH - LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THẮNG LỢI. SÁNG LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

1. NHEN NHÓM NGỌN LỬA CÁCH MẠNG TỪ PÁC BÓ

Nhờ sự chuẩn bị trước, được sự hỗ trợ của bà con địa phương, Nguyễn Ái Quốc chọn hang Cốc Bó (tiếng Nùng có nghĩa là đầu nguồn), nơi kín đáo của làng Pác Bó, xã Hà Trường, huyện Hà Quảng (Cao Bằng), nằm kề biên giới Việt - Trung. Hang Cốc Bó nằm lưng chừng núi, muốn tới hang phải trèo qua vùng đá lởm chởm, có lau sậy rậm rạp. Nơi đây có thể nhìn ra xa về phía trái là dòng Khuổi Nậm (có nghĩa là khe nhỏ). Với tên gọi mới là Già Thu, Người bắt đầu thu xếp cuộc sống nơi hang đá Cốc Bó. Đồ tư trang đơn giản: chiếc vali đựng tài liệu, máy chữ, giường nằm là những cành cây ghép lại trên

trái tấm tre đan. Người về đây đang là cuối đông, đầu xuân, tiết trời vùng cao còn giá lạnh. Đêm thường phải đốt lửa để qua cái giá buốt, ngày ra ngoài làm việc vừa thoáng mát vừa đủ ánh sáng. Cạnh hang có dòng suối nhỏ chảy từ trong núi ra. Người đặt tên là Suối Lênin. Ngọn núi cao cạnh suối Người đặt là núi Các Mác. Thường thường ban ngày Người chọn tảng đá phẳng cạnh suối làm bàn viết, núi non hùng vĩ cảm hứng nên thơ:

*Non xa xa, nước xa xa
 Nào phải thênh thang mới gọi là
 Đây suối Lênin kia núi Mác
 Hay tay gây dựng một sơn hà.*

Cuộc sống ẩn trong bí mật, thiếu thôn xóm đường, nơi ăn chốn ngủ không được thoải mái. Rau rừng, ốc suối, bắp ngô... là nguồn thực phẩm chính của mỗi bữa ăn. Nhưng vượt lên tất cả khó nhọc đời thường là tâm hồn tràn đầy niềm tin ở ngày mai - nguồn sống vĩnh cửu của những con người dẫn thân theo lý tưởng cách mạng:

*Sớm ra bờ suối, tối vào hang
 Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
 Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
 Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

Cuộc trường chinh 30 năm, làm đủ các nghề từ phụ bếp, quét tuyết, đốt lò, những ngày ăn uống thiếu thốn ở ngô hẻm Công Poanh, ngồi tù Hương Cảng... mầm bệnh lao

luôn luôn sẵn sàng đánh quy Người, nhất là trong thời điểm thức ăn, môi trường khắc nghiệt ở hang đá ẩm thấp. Như biết trước khó khăn đó, Người ra sức rèn luyện thân thể tập thể dục đều: đi lại, lao động chân tay.. có lúc cùng anh em vào rừng lấy củi, hái rau, mò ốc, bắt cá... Tối tối bên bếp lửa hồng, Người tụ tập anh em bồi dưỡng lý luận cách mạng, kể chuyện thế giới, chuyện thiên đường nước Nga Xô Viết... Người tranh thủ lược dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (B) Liên Xô* ra tiếng Việt để làm tài liệu học tập cho cán bộ.

Một thời gian sau, có hai giao liên người địa phương bị địch bắt. Để bảo đảm an toàn, bí mật, Người quyết định rời Pác Bó sang Khuổi Nậm, thuận tiện liên lạc và khi có địch dễ thoát hơn.

Thời gian hoạt động bên Trung Quốc, khu vực gần biên giới Tĩnh Tây, Người quen biết nhiều những cơ sở tin cậy. Trong thời gian ở Khuổi Nậm, khi cần người sang Tĩnh Tây công tác, có lúc để an toàn Người trong vai ông thầy địa lý để suôn sẻ trên đường đi.

Về Pác Bó, Người đã phát động tổ chức các hội cứu nước như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, thành lập các đội tự vệ... Tất cả hình thành một hình thái mặt trận thống nhất. Tháng 4 năm 1941 Người chủ trì Hội nghị Cọc Mu, tập

hợp những cán bộ chỉ đạo các tổ chức trên nhằm rút kinh nghiệm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh.

Về nước được một thời gian, sau khi nắm vững tình hình trong nước, với danh nghĩa đại diện Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ai Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ Tám của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, khai mạc từ ngày 10 và kết thúc ngày 19 tháng 5 năm 1941 tại chiếc lán nhỏ bên dòng Khuổi Nậm. Đến dự Hội nghị có các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên và một số đại biểu của Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị đã phân tích sâu sắc tình hình trong nước và thế giới. Nhấn mạnh cuộc chiến tranh kết thúc sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời, tạo nên thế cơ lớn cho Cách mạng Việt Nam, chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Cách mạng Việt Nam - luôn luôn dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tích cực chuẩn bị lực lượng có thời cơ là chuyển sang Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn Việt gian, nhận thức rõ trách nhiệm cách mạng Đông Dương là do từng nước phát huy sức mạnh độc lập tự chủ, đồng thời đoàn kết gắn bó các dân tộc chống kẻ thù chung.

Hội nghị thống nhất thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh gọi tắt là Việt Minh. Chủ trương đặt tên các hội của quần chúng là Hội Cứu quốc, chủ trương khởi nghĩa vũ trang để quyết định thắng lợi của cách mạng, tăng cường đào tạo, huấn luyện cán bộ đủ trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới. Hội nghị tạo một bước chuyển biến mới của đường lối cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã kiện toàn tổ chức. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng bí thư, Hội nghị bầu ra Ban Thường vụ gồm ba đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt. Sau Hội nghị, Người ân cần căn dặn các đồng chí tham gia Hội nghị trong Ban Thường vụ phải luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nội bộ thực hiện nguyên tắc: Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nâng cao trách nhiệm phê bình và tự phê bình.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc viết thư kính cáo đồng bào, gửi đến đồng bào toàn quốc. Kêu gọi toàn dân tộc đoàn kết đánh đuổi Pháp, Nhật.

Hội nghị Trung ương lần thứ Tám và thư kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc là ngọn đuốc soi đường cho dân tộc bước ra khỏi đêm đen nghìn năm phong kiến, trăm năm thực dân, tiếp thêm sức mạnh mới cho toàn Đảng,

hướng theo những tư tưởng, đường lối mới, tổ chức quần chúng vững vàng đấu tranh trong một hoàn cảnh mới, khí thế mới.

Như để tiếp thêm sức mạnh cho cách mạng, Nguyễn Ái Quốc chủ trương tập trung lãnh đạo Mặt trận Việt Minh. Người trực tiếp soạn thảo chương trình hoạt động của Việt Minh. Trong bản "Chương trình Việt Minh" người nêu rõ thực hiện các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao... Ngoài ra Người còn soạn thảo "Mười chính sách của Việt Minh". Nhằm thúc đẩy công việc Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản báo *Việt Nam Độc lập*.

Báo *Việt Nam Độc lập* lúc đầu là cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng. Báo ra số đầu ngày 1 tháng 8 năm 1941, được đánh số 101 mỗi tháng báo ra ba kỳ, in tại Khuổi Nặm khoảng 400 bản, sau chuyển về Lam Sơn.

Nguyễn Ái Quốc vừa trực tiếp chỉ đạo vừa viết những bài quan trọng, duyệt bài, đưa tin tức trên báo, có lúc vẽ tranh. Tháng 8 năm 1942 Người sang Trung Quốc, phụ trách báo giao cho đồng chí Phạm Văn Đồng. Đến tháng 8 năm 1945 báo ra được 226 số. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo *Việt Nam Độc lập* thường dễ hiểu, dùng lối nói dân gian như ca dao, tục ngữ. Người thường làm thơ nôm na, ai đọc cũng dễ hiểu, thấm sâu. Nhiều

bài thơ tuyên truyền trên báo được Người tập hợp lại in thành một cuốn sách bỏ túi *Ba mươi bài thơ Việt Minh*, dùng làm tài liệu cho cán bộ tuyên truyền. Nguyễn Ái Quốc còn soạn "Mười chính sách của Việt Minh" thành thư lục bát để quần chúng dễ thuộc, dễ nhớ. Được phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Thời kỳ ở Khuổi Nậm, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, có đợt chỉ có 5 ngày đến một tuần lễ, nội dung ngắn gọn súc tích: tình hình thời sự trong và ngoài nước; đường lối của Đảng, chương trình, Điều lệ Việt Minh; phương pháp công tác.

Tháng 6 năm 1941 Người cử người đi học vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc). Tháng 10 năm 1941 Người tổ chức Đội vũ trang và giao cho hai đồng chí Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba phụ trách. Đội du kích gồm 13 đội viên do Lê Quảng Ba làm chỉ huy, Lê Thiết Hùng làm chính trị viên, Hoàng Sâm làm chỉ huy phó. Hôm làm lễ ra mắt thành lập, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đến và trao cho Đội "Mười điều kỷ luật và những nguyên tắc hoạt động của Đội" do Người soạn thảo. Cùng với tài liệu trên, Nguyễn Ái Quốc còn biên soạn nhiều tài liệu quân sự dùng làm tài liệu huấn luyện cho đội vũ trang như cách đánh du kích. Cũng trong năm 1941, Người đã viết một số tài liệu quan trọng như

"cách đánh du kích", viết về quân sự, sách gồm 13 chương. Phổ biến những chủ trương đường lối quân sự của Đảng và những hiểu biết về quân sự.

Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm *Lịch sử nước ta* bằng lối diễn ca để mọi người dễ đọc, dễ hiểu, dễ thuộc. Kết thúc tác phẩm, Người ghi nóc lớn của lịch sử: 1945 - Việt Nam độc lập.

2. NHỮNG VẦN THƠ THOÁT RA TỪ NGỤC TỐI

Cuộc chiến tranh thế giới đã phân thành hai chiến tuyến giữa phát xít và đồng minh. Nhận thấy vận mệnh của một dân tộc phải gắn liền với thế giới, phải có sự liên minh quốc tế, trước mắt cần liên minh với người hàng xóm láng giềng - Trung Quốc để chống phát xít, Nguyễn Ái Quốc quyết định đi công tác nước ngoài.

Nguyễn Ái Quốc dùng giấy tờ có tên là Hồ Chí Minh được cấp từ năm 1940, trong giấy tùy thân có giấy giới thiệu "Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược"; thẻ thông tấn viên đặc biệt của "Quốc tế Văn xā" và giấy thông hành văn phòng Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu cấp. Trên đường đến Quảng Tây ngày 13 tháng 8 năm 1942, tới xã Túc

Vinh (huyện Đức Bảo) thì tuần cảnh cho rằng những giấy tờ cấp từ 1940 nay đã hết hạn sử dụng. Chúng nghi Người là gián điệp bèn bắt giải lên Tỉnh Tây nộp cho văn phòng Quế Lâm của Ủy ban quân sự Chính phủ Quốc dân Đảng để điều tra xét hỏi vì một người Việt Nam mà có nhiều giấy tờ quan trọng do Trung Quốc cấp là đáng khả nghi. Người bị giải đi theo lịch trình: Tỉnh Tây qua Diên Đông, Long An, Thiên Bảo, Đồng Chính, Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Lai Tân, Liễu Châu và đến Quế Lâm ngày 10 tháng 12 năm 1942, rồi lại bị giải trở lại Liễu Châu để giao cho Cục chính trị Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu thẩm tra.

Tình cảnh người tù thật thê thảm. Vì nghi là tội phạm quan trọng đang bị truy nã nên chúng rất chú ý bảo vệ: "Tay bị trói cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi trong mưa dầm nắng dãi...

Sáng sớm, gà gáy đầu bắt đi, buổi chiều trời tối hắt, dừng nghỉ tạm bị giam vào xà lim tạm thời, không cởi trói để ngủ. Ăn không đủ, bản thủ, ở lẫn với những kẻ bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện, nơi giam chật chội không có chỗ ngủ, có khi tối ngủ phải ngồi trên cầu xí... có tối ngủ dậy thấy người bên cạnh đã chết cứng. Bản thủ mất vệ sinh, chấy rận, ghẻ lở, bị ghẻ khắp người... tất cả tập trung hành hạ Người đến gày gò, hốc hác: "gầy như, que củi, tóc chóng bạc và rụng

nhiều, mắt nhìn kém..." và nổi khổ nhất đối với Người không phải đau đớn về thể xác mà về tinh thần. Trong tù ngồi nhàn rồi mà tình hình thế giới sôi động. Trong nước Cách mạng đang lên, ai là người lãnh đạo phong trào, ai giúp đỡ đồng bào tổ chức đấu tranh, các nước đồng minh đã tiến đến đâu? Nhật, Pháp đã cắn nhau chưa? Và cứ thế ngày này qua ngày khác, nhà tù này rồi đến nhà tù khác. Trong nước các đồng chí Trung ương rất lo lắng, cử người đi dò la tin tức nhưng lúc đầu bị nhầm lẫn tưởng Người đã chết trong tù, nhưng sau được tin Người còn sống và bị giải đi hết nhà tù này đến nhà tù khác. Các đồng chí bèn liên nhanh chóng tìm mọi cách để cứu Người ra khỏi ngục.

Lấy danh nghĩa "Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược" - cơ quan của Đảng ở Tỉnh Tây đã gửi điện đến Trùng Khánh đề nghị thả "Hồ đại biểu" ra, nhưng vẫn chưa có kết quả. Ngày 15 tháng 11 năm 1942 gửi tiếp thông tin cho Thông tấn xã TASS Liên Xô ở Trùng Khánh cực lực phản kháng vụ bắt Hồ Chí Minh và đề nghị công bố lên toàn thế giới. Nhờ sự can thiệp tích cực từ nhiều hướng, kể cả các nhân vật trong chính giới Trung Quốc, cuối cùng Hồ Chí Minh được chuyển về nhà giam của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu. Tại đây Người được chế độ quản lý tốt hơn, không

bị cùm, không bị xích, có đủ cơm ăn, nước uống và thỉnh thoảng được đọc sách báo. Ngày 10 tháng 9 năm 1943 Người được thả tự do. Trong thời gian 13 tháng ở tù, Người bị giam tại trên 30 nhà giam, trải qua 13 huyện của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian ở tù Người đã sáng tác 134 bài thơ bằng chữ Hán. Ngày ngày ở tù, qua mỗi sự kiện, hoặc khi những cảm xúc dâng tràn, Người viết nên những vần thơ bằng chữ Hán, trên những chỗ trống của báo ngày. Sau khi về ở Liễu Châu, có điều kiện Người chép vào một tập đóng bìa màu xanh, có ghi bốn chữ *Ngục Trung nhật ký* kèm theo bốn câu thơ ngũ ngôn và hình vẽ hai nắm tay bị xích. *Nhật ký trong tù* như một bộ sử bằng thơ kể lại những tháng gian khổ của một tù nhân "bất đắc dĩ", phản ánh bộ mặt xã hội Trung Quốc những năm 1942 - 1943. Và cao cả hơn, *Nhật ký trong tù* đã thể hiện ý chí mãnh liệt, sức chịu đựng gian khổ và tinh thần lạc quan, một khí tiết lớn lao của một lãnh tụ cách mạng. Bài thơ "Khai quyển" là một tiếng nói bất khuất:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao

Muốn xây sự nghiệp lớn

Tinh thần càng phải cao.

Đó là chất thép trong thơ Hồ Chí Minh. Cả tập thơ là một bản hùng ca tráng lệ, là một tiêu biểu mẫu mực của nền văn học cách

mạng. Tập thơ có một ngôn ngữ nghệ thuật độc đáo, dễ hiểu, cô đọng vừa trữ tình xen tự sự, xứng đáng là một viên ngọc lấp lánh trong nền văn học Việt Nam.

Tuy được thả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Tranh thủ thời gian này Người cố gắng rèn luyện để phục hồi sức khỏe. Người viết bài thơ "Mới ra tù tập leo núi":

Mây ôm núi, núi ôm mây

Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng

Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong

Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai.

Sau đó Người gửi lời thơ này, kèm theo một bức thư gửi về nước báo tin đã được trả tự do, nhưng Quốc dân Đảng vẫn giữ Người làm "cố vấn", ở nhà cần vận động tích cực hơn nữa để chúng tha thật sự.

Cuối tháng 10, tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh trưởng của Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu yêu cầu Hồ Chí Minh tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, tổ chức của người Việt Nam ở Trung Quốc, có nhiều đảng phái, các phe phái chống đối nhau. Lúc này Tưởng đang chuẩn bị chương trình "Hoa quân nhập Việt" nên cho củng cố lại tổ chức này. Chúng hy vọng Hồ Chí Minh có thể đóng vai trò đoàn kết các đảng phái. Tưởng biết rằng các "lãnh tụ" của Việt Nam cách mạng đồng minh hội bất tài, và biết rằng ở Việt Nam chỉ có Mặt trận Việt Minh là được nhân dân ủng hộ, mà

Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Mặt trận Việt Minh nên Tưởng quyết định trả tự do cho Hồ Chí Minh với ý định tranh thủ lôi kéo về phe mình. Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần trên cương vị Phó Chủ tịch Hội để cải tổ theo chiều hướng có lợi cho Tưởng. Lúc này chủ trương của ta tập trung đoàn kết mọi lực lượng, tận dụng mọi lợi thế cho ta theo mục tiêu độc lập dân tộc. Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, tuy tư tưởng lộn xộn, song có chủ trương chống Nhật - Pháp, thực hiện Việt Nam độc lập. Với tinh thần ấy của Đảng, Hồ Chí Minh nhận lời tham gia cải tổ Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, vừa là dịp tranh thủ lôi kéo những người có tư tưởng tiến bộ theo ta, cô lập tối đa bọn cơ hội, phản động. Tại Hội nghị trù bị của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, Hồ Chí Minh yêu cầu phải có đại biểu của Mặt trận Việt Minh và đại biểu của các tổ chức thuộc Việt Minh (Hội truyền bá quốc ngữ, Hội Phật giáo...) tham gia. Đại hội đổi tên là Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Ngày 16 tháng 3 năm 1944, Hồ Chí Minh thay mặt "Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế phản xâm lược" trình bày bản báo cáo về tình hình các đảng phái trong nước, chủ yếu nâng cao uy tín, nhấn mạnh công lao lớn nhất của Đảng Cộng sản. Người ra sức kêu gọi các đại biểu phải làm thế nào

đoàn kết những lực lượng ngoài nước để cổ vũ cuộc đấu tranh ác liệt trong nước. Hồ Chí Minh được bầu ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành mới của Hội.

Trên cương vị mới, Người thảo kế hoạch lựa chọn thanh niên trong lớp huấn luyện ở Liễu Châu về nước phát triển lực lượng trên danh nghĩa "Hoa quân nhập Việt" nhưng thực chất đây là những thanh niên được Người tuyển cho tổ chức trong nước. Nhờ sự hỗ trợ của tướng Trương Phát Khuê, ngày 9 tháng 8 năm 1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu. Cuối tháng 9 Người trở về đến Pác Bó.

3. CHUẨN BỊ MỌI MẶT TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA

Về đến Tổ Quốc trong lúc tình hình đất nước chuyển biến nhanh chóng, Người được nghe báo cáo tình hình, tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chuẩn bị phát động chiến tranh du kích liên tỉnh. Xét tình hình toàn cục chưa đủ điều kiện, nhiều nơi chưa sẵn sàng Tổng khởi nghĩa, Người liền quyết định đình hoãn lại chủ trương nói trên. Người phân tích: Bây giờ thời kỳ hòa bình đã qua, nhưng thời kỳ Tổng khởi nghĩa chưa đến. Nếu phát động diện rộng, ta chưa đủ khả năng về vũ khí, và sự nổi dậy đồng đều như vậy địch sẽ tập trung đàn áp sẽ gây nhiều

tổn thất cho toàn cục. Cao - Bắc - Lạng mới chỉ là cục bộ chưa phải là toàn cục. Quyết định của Người không những giúp cho Cao - Bắc - Lạng tránh được tổn thất mà còn chỉ rõ hướng phát triển đúng đắn của cách mạng.

Người chỉ rõ cuộc đấu tranh lúc này bằng hình thức chính trị ưu thế hơn quân sự và phải đồng thời kết hợp đấu tranh từ hình thức chính trị tiến lên hình thức vũ trang. Tháng 10 năm 1944 Hồ Chí Minh viết bài "Thân gửi đồng bào toàn quốc". Trong bài viết chỉ rõ những nhiệm vụ và thời cơ cách mạng đang đến gần: "Cơ hội cho dân tộc giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh". Cuối tháng 10 năm 1944 sau khi đi thăm Đội tự vệ chiến đấu Châu Hồng Phong (Hà Quảng) Người quyết định thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, và giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Trong chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Người nêu rõ: "Tên đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là "đội tuyên truyền", đội có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí, nếu có thể được làm cho các đội này trưởng thành mãi. Lực lượng của đội được lựa chọn từ những hạt nhân tiên tiến của đội du kích Cao - Bắc - Lạng". Chỉ thị là một tài liệu

cô đọng, súc tích, như một cương lĩnh quân sự của Đảng ta. Sau đó một thời gian, ngày 22 tháng 12 năm 1944 tại rừng Sam Cao (mang tên chiến khu Trần Hưng Đạo), Cao Bằng, Đội Việt nam Tuyên truyền giải phóng quân chính thức ra đời. Đội gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Vừa mới thành lập được 3 ngày, vào ngày 25 tháng 12 năm 1944 Đội ra quân đánh thắng đồn Phai Khắt, sau đó đồn Nà Ngần, thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh "trận đầu phải thắng" mở ra một truyền thống anh dũng vẻ vang của quân đội ta "trăm trận trăm thắng".

Chính phủ Đờ Gôn lên nắm quyền ở Pari, bắt đầu trở lại chính trường, đòi lại những mảnh đất thuộc địa đã bị mất, trong đó có Đông Dương. Chúng bắt đầu thiết lập mạng lưới tình báo theo dõi sát tình hình Đông Dương. Nhưng theo Hội nghị Cai Rô tháng 11 năm 1943, Đông Dương thuộc diện ủy trị của Mỹ và Trung Quốc, do đó Mỹ cố ngăn cản Pháp trở lại Đông Dương. Hồ Chí Minh rất ý thức được sự chuyển hướng phức tạp của sân khấu chính trị quân sự quốc tế. Do đó Người quyết định sớm tiếp xúc với lực lượng Đồng minh, mong sao đưa cuộc chiến giành độc lập dân tộc của Mặt trận Việt minh đến trước bàn tròn quốc tế.

Tháng 2 năm 1945, nhân sự kiện Trung úy phi công Mỹ được ta cứu thoát, và được Hồ

Chí Minh đưa trở về đại bản doanh Bộ tư lệnh không quân Mỹ ở Trùng Khánh. Hồ Chí Minh nhân danh Việt Minh lực lượng đứng về phe Đồng minh đến Côn Minh tiếp xúc với người Mỹ. Người Mỹ rất cảm ơn lực lượng Việt Minh của Hồ Chí Minh đã cứu thoát phi công Mỹ. Sau đó ngày 29 tháng 3 năm 1945 Hồ Chí Minh đến Côn Minh gặp tướng Sênôn, Tư lệnh không đoàn Cọp Bay của Mỹ ở Trung Quốc. Cuộc trao đổi đã đi đến thỏa thuận: người Mỹ có thể cung cấp vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Minh và có thể huấn luyện Việt Minh biết sử dụng những thứ đó. Từ Côn Minh Hồ Chí Minh đi máy bay đến Bách Sắc, một địa điểm chiến lược ở Tây Nam Quảng Tây để tìm gặp Đồng minh Hội, lúc này đang sơ tán về đây. Người lựa chọn một số trong nhóm Việt Minh hoạt động tích cực cùng Người trở về nước vào ngày 16-4-1945.

Quý giá của chuyến đi là đã giới thiệu hoạt động của Việt Minh với người Mỹ, để tranh thủ sự giúp đỡ cần thiết cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, ở nhà tình hình chuyển biến nhanh chóng. Thường vụ Trung ương dưới sự chủ tọa của Tổng bí thư Trường Chinh họp Hội nghị mở rộng đánh giá tình hình. Hội nghị nhận định việc Nhật đảo chính Pháp đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị ở Đông Dương, tạo thời cơ "Tiến khởi nghĩa". Nhiệm vụ toàn

Đảng là phát động cao trào kháng Nhật. Chỉ thị của Đảng đã tạo nên một làn sóng khắp cả nước cao trào đấu tranh chính trị và khởi nghĩa vũ trang. Ngày 15 tháng 3 năm 1945 Tổng bộ Việt Minh phát "Hịch kháng Nhật cứu nước", kêu gọi tập trung tổng lực cho cuộc khởi nghĩa vùng lên cướp chính quyền. Ngày 16 tháng 4 năm 1945 Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về "Việc tổ chức các ủy ban dân tộc giải phóng" coi đó là "hình thức tiền - Chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng". Tình hình chuyển tiến mau lẹ. Nếu ở Pác Bó sẽ khó chỉ đạo cách mạng cả nước, vì vậy từ đầu tháng 5 năm 1945 Hồ Chí Minh quyết định rời đại bản doanh từ Pác Bó về Tân Trào (Tuyên Quang), nơi trung tâm của cách mạng.

Tại đây, trong một chiếc lán đơn sơ ở núi rừng Tân Trào, Người tranh thủ làm việc nhiều, quyết định những vấn đề hệ trọng như thành lập Khu giải phóng gồm các tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái và một số vùng của các tỉnh Bắc Ninh, Phú Thọ, Yên Thế, Vĩnh Yên... Ngày 4 tháng 6 năm 1945 theo chỉ thị của Người, Khu giải phóng được Bộ Tổng Việt Minh ra tuyên bố thành lập. Các nơi đều lập Ủy ban nhân dân, xây dựng cuộc sống hòa bình thực sự "trở thành một nước Việt Nam mới".

Thời gian này, Mỹ cho một số người và vũ

khí, khí tài sang giúp ta. Đây là thời kỳ "hợp tác Việt - Mỹ" đầu tiên trong lịch sử hai dân tộc. Họ đã đào tạo cho ta kĩ thuật vô tuyến điện, và huấn luyện quân sự... Tình hình Quốc tế diễn biến nhanh chóng. Hồng quân Liên Xô đã tiến vào Berlin. Đức đầu hàng vô điều kiện. Cùng lúc Liên Xô chuyển quân về phía đông để tuyên chiến với Nhật.

Trong lúc đó, Người bị ốm nặng, sốt rét rừng đến với Người từng cơn rất nguy kịch, nhiều lúc mê man bất tỉnh. Khi tỉnh dậy Người lại hỏi tình hình và dặn dò công việc. Người căn dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

Nhờ tích cực tìm thầy thuốc trong nhân dân, với kinh nghiệm dân gian có bài thuốc chữa đúng bệnh nên chỉ qua mấy ngày uống thuốc, bệnh tình của Người giảm dần. Người tỉnh dậy và lao vào công việc ngay. Người đề nghị Trung ương cần triệu tập gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội đại biểu quốc dân, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Qua chiếc đài thu thanh, ngày 6 tháng 8 năm 1945 được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống nước Nhật, Người yêu cầu triệu tập gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng. Người nói: "Nên họp ngay, cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng

phút. Tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể bỏ lỡ cơ hội".

Vượt qua muôn vàn khó khăn đường đi, giặc kiểm soát gắt gao, nhưng ngày 13, 14, 15 tháng 8, Hội nghị đã tiến hành tại đình Tân Trào. "Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi. Toàn dân đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa giành quyền độc lập". Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc gồm 5 người do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh phụ trách. 23 giờ ngày 13 tháng 8 năm 1945 Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa.

Hội nghị đang thảo luận thì nghe tin Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Hồ Chí Minh đề nghị Hội nghị nên mau chóng kết thúc để các đại biểu kịp trở về địa phương lãnh đạo cướp chính quyền.

Đã được thông báo trước về Quốc dân Đại hội, nên các đại biểu đã nhanh chóng có mặt tại đình Tân Trào. Ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội được tiến hành tại đình Tân Trào. Tới dự Đại hội có 60 đại biểu Bắc - Trung - Nam và đại biểu đại diện cho kiều bào ở nước ngoài. Dưới quyền chủ tọa của Hồ Chí Minh. Đại hội đã bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch với một Ủy ban Thường trực gồm 5 người.

Ngày 17 tháng 8 năm 1945 trước đình Tân Trào thay mặt Ủy ban Dân tộc giải phóng Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời tuyên thệ trong buổi đầu ra mắt quốc dân của Ủy ban.

Sau ngày Đại hội Quốc dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Ủy ban Dân tộc giải phóng đã ra lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa gửi đến đồng bào toàn quốc ký tên là Nguyễn Ái Quốc.

Bệnh tình tạm đỡ, nhưng còn yếu, gầy, đi lại khó khăn nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định về ngay Thủ đô Hà Nội để trực tiếp cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề trọng đại. Trên đường đi Người còn rất yếu có lúc phải dùng拐杖. Tối ngày 23 tháng 8 năm 1945 Người về đến làng Gạ (Phú Gia - Từ Liêm), ở nhà một cơ sở cách mạng. Ngày 25 tháng 8 năm 1945 Người nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh báo cáo về thắng lợi của khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh, về chủ trương của Ban Thường vụ dự định tổ chức sớm ra mắt Chính phủ lâm thời. Chiều hôm đó đồng chí Trường Chinh lên đón Người về Hà Nội.

4. KHAI SINH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Ngày 26-8-1945 về đến Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp của Ban

Thường vụ Trung ương để thảo luận những vấn đề đối nội, đối ngoại, trong tình hình đặc biệt khẩn cấp, sớm công bố danh sách thành viên chính phủ mới. Người đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần chính phủ, có đại diện các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, các nhân sĩ không đảng phái và thảo ngay bản Tuyên ngôn độc lập. Chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội để ra mắt Chính phủ lâm thời và tuyên bố thành lập nước Việt Nam mới, phải làm gấp trước khi quân Tưởng kéo vào Việt Nam. Thực hiện ý kiến của Người, một số cán bộ Đảng và Việt Minh trong Chính phủ đã tự nguyện rút lui nhường chỗ cho những người không đảng phái, nhân sĩ, trí thức... Đó là những cử chỉ gương mẫu, đặt lợi ích quốc gia lên lợi ích cá nhân. Ngày 28-8-1945, tuyên cáo chính phủ và danh sách thành viên Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo chí ở Hà Nội. Gần một nửa số bộ trưởng không phải là Việt Minh, chứng tỏ chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được thực hiện ở cơ quan cao nhất của chính quyền chính thể mới.

Tại ngôi nhà 48 phố Hàng Ngang, Hồ Chí Minh bắt tay soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*, một văn kiện lịch sử sẽ tồn tại mãi với thời gian cùng dân tộc. Người viết trong niềm cảm hứng mãnh liệt, niềm vui trào dâng, lòng

tự hào như được nhân lên từ hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc. Người nói với các đồng chí thân cận: Trong đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã từng viết nhiều nhưng đến bây giờ mới viết được một bản *Tuyên ngôn* như vậy. Mỗi câu, mỗi chữ là khát vọng, tiếng nói âm vang từ trái tim, trí tuệ của người dân Việt Nam hướng tới độc lập, tự do, hạnh phúc. Từ trong đêm tối nô lệ thực dân phong kiến, cả dân tộc đổ máu hy sinh, để có được ánh sáng chân lý, được ngẩng cao đầu làm con người tự chủ. Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tuổi trẻ mang nỗi khát vọng lý tưởng vì dân vì nước, xả thân bất chấp gian khó, nguy hiểm, kiên trì đấu tranh không mệt mỏi đi tìm và mang về cho Tổ Quốc bản hùng ca tự do và độc lập.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 cả Hà Nội rợp trời cờ đỏ sao vàng, tung bừng, rạo rực khí thế cách mạng, khí thế độc lập. Mỗi ngôi nhà, góc phố chẳng kín biểu ngữ bằng nhiều thứ tiếng khác nhau: "Độc lập hay là chết"; "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh"...

Từ trưa, các ngã đường dẫn tới vườn hoa Ba Đình đông kịt người, đủ các màu sắc rực rỡ. Đúng 2 giờ chiều các thành viên Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu hướng lên lễ đài. Bài "Tiến quân ca" vang lên, lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên. Một rừng người im lặng tay

nắm chắc giờ lên nghiêm trang chào Tổ Quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, giọng âm vang từ nghìn năm của dân tộc dồn nén trong giờ phút trọng đại. Rừng người vỗ tay, hoan hô nhiệt liệt. Đang đọc Người dừng lại hỏi:

" - Tôi nói đồng bào nghe rõ không?".

Hơn nửa triệu người đồng thanh đáp lại "có" âm vang như sấm dậy.

Không khí buổi lễ như lắng xuống để hưởng ứng lời tuyên bố của dân tộc: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy".

Tuyên ngôn độc lập - bản hùng ca Người đã viết bằng cả cuộc đời hy sinh cống hiến, cả dân tộc suốt nghìn năm đổ máu để có ngày độc lập, đứng dậy làm người tự do. Từ đây dân tộc Việt Nam kiêu hãnh tự hào bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự chủ xây dựng ấm no hạnh phúc.

Bắt đầu một trang mới đấu tranh quyết liệt bảo vệ thành quả đã đạt được, mở đầu những ngày đấu tranh gay go ác liệt chống thù trong giặc ngoài. Bắt đầu cuộc vận lý trường chinh chống kẻ thù xâm lược để khẳng định lời thề độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Phần IV
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ
CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ,
CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI

Không khí sục sôi của những ngày Cách mạng tháng Tám đi qua như một giấc mơ kỳ diệu. Cả dân tộc bắt tay vào cuộc chiến đấu phức tạp khó khăn chống chọi để bảo vệ sự tồn vong của mình. Cả đất nước phải đối mặt với một nền kinh tế đình đốn do chiến tranh và nạn đói khủng khiếp cướp đi hơn hai triệu sinh mệnh người Việt Nam, ngân khố quốc gia trống rỗng, trình độ văn hóa của nhân dân còn kém, phần lớn là mù chữ. Đội ngũ cán bộ chính quyền từ cơ sở lên đến Trung ương còn mỏng, thiếu và trình độ còn non kém. Ta tuyên bố độc lập nhưng chưa quốc gia nào trên thế giới thừa nhận. Kẻ thù trong nước và nước ngoài đang tính đến canh bạc xóa bỏ chính quyền còn non trẻ. Phía Nam quân Anh kéo vào. Phía Bắc 20 vạn quân Tưởng đã vượt biên giới Việt -

Trung. Tính tổng số quân đội nước ngoài có mặt ở nước ta lúc đó lên tới con số kỷ lục: 30 vạn lính chiến. Đất nước đứng trên thế "nghìn cân treo sợi tóc". Các đảng phái phản động trong nước, được hậu thuẫn của bọn đế quốc ngày đêm rình rập hòng lật đổ chính quyền cách mạng.

Nhưng chính thời điểm lịch sử gay cấn đó thiên tài Hồ Chí Minh đã tỏa sáng, trở thành vị cứu tinh cho giống nòi nước Việt. Người là ngôi sao dẫn đường trong đêm tối mịt mùng, là ngọn cờ đoàn kết tập hợp triệu trái tim, là chiến sĩ tiên phong đi đầu đoàn quân, là người thủy thủ dạn dày phong ba bão táp chèo lái con thuyền cách mạng vượt bão tố hướng tới bến bờ vinh quang. Ngay sau ngày Tuyên ngôn độc lập, ngày 3 tháng 9 năm 1945 tại Bắc Bộ Phủ, Người chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, lời khai mạc giản dị, đi thẳng vào sáu vấn đề cấp bách để cứu nguy dân tộc: một là nạn đói, hai là thanh toán nạn dốt, ba là tổ chức Tổng tuyển cử, bốn là xóa bỏ hủ tục, năm là bỏ ngay các thứ thuế bóc lột vô nhân đạo, sáu là thực hiện tự do tín ngưỡng lương giáo, đoàn kết.

Người đề nghị Hội đồng Chính phủ phát động chiến dịch tăng gia sản xuất, quây góp cứu đói. Người kêu gọi đồng bào cứu đói cũng như chống ngoại xâm.

Hưởng ứng lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh cả nước xuống đường "tác đất, tác vàng" từ Chủ tịch nước, các bộ trưởng, đến các nhân viên Chính phủ, thân sĩ trí thức... ai ai cũng tham gia lao động sản xuất, quyên góp thóc khoai cứu đói người thất bát; Người nói thật cảm động: "Lúc ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hiện trước: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo". Nhớ hôm phát động quyên góp tại Nhà hát lớn Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu gương trước, Người mang phần gạo tiết kiệm của mình đóng góp đầu tiên. Hưởng ứng hành động tiên phong đó của Người, cả nước dấy lên một cao trào tương thân tương ái, "lá lành đùm lá rách", dưới các hình thức phong phú "Hũ gạo cứu đói" hay "Ngày đồng tâm nhịn ăn" v.v... thức tỉnh mỗi lương tri, giúp người nghèo khổ tức là giúp cách mạng, giúp chính quyền và chính là giúp ngay bản thân mình giữ vững quyền làm chủ. Chỉ một tuần quyên góp cả nước đã có hàng vạn tấn gạo cứu đói. Nạn đói không còn đe dọa chính quyền nhân dân non trẻ nữa.

Chính quyền của dân bắt đầu thực thi những chính sách công bằng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký một loạt

sắc lệnh bãi bỏ các thứ thuế bất công như thuế thân, thuế chợ, thuế đò, miễn thuế cho vùng khó khăn, vùng có chiến sự. Ban hành các sắc lệnh tự do tín ngưỡng, cấm hút thuốc phiện, bãi bỏ các tệ nạn xã hội, giảm tô 25% cho nông dân; chia ruộng của bọn thực dân và ruộng công cho nông dân. Nhờ đó Chính phủ lâm thời đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo được uy tín trong quốc dân. Nhà nước còn trống rỗng về kinh tế - một nguy cơ tiềm ẩn khi đứng trước những khó khăn lớn đang đến gần. Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động trong toàn quốc Tuần lễ vàng và Quỹ độc lập để ủng hộ Chính phủ. Chỉ trong một thời gian ngắn phát động, cả nước đã tự nguyện góp 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập và 40 triệu đồng vào "Quỹ Đảm phụ quốc phòng".

Song song với việc cứu nguy dân tộc bằng các hình thức phong phú, huy động sức của còn tiềm ẩn trong những người giàu có, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động chiến dịch diệt giặc dốt. Người viết: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Người phát động cả nước mở phong trào thanh toán nạn mù chữ Người nói: "Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết, vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo". Người ký sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ. Nhân dịp năm học

mới, Người viết thư gửi các học sinh: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".⁽¹⁾ Hậu quả của chế độ cũ để lại cho chính quyền mới còn nhiều việc cần phải khắc phục. Các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu, lối sống, tác phong, thói quen suy nghĩ, thói quen lao động còn nhiều phức tạp và cản trở đối với một xã hội văn minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở cuộc vận động xây dựng "Đời sống mới". Người nói: "Cái văn hóa này cần phải có tính dân tộc, tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại".

Để khẳng định với thế giới, với quốc dân đồng bào về tính hợp pháp, hợp hiến của một chính thể và thực sự thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành gấp Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Tuy kẻ thù, đặc biệt các đảng phái phản động ra sức công kích, phá hoại nhưng với sách lược mềm dẻo, đối sách khôn khéo, Người đã lãnh đạo toàn dân thực hiện thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc, Người đề nghị

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4, IV, tr.33.

Quốc hội mở rộng thêm 70 ghế không qua bầu cử cho các đại biểu Việt Cách và Việt Quốc, những kẻ trong quá trình bầu cử đã bị nhân dân bằng lá phiếu tự nguyện của mình gạt ra khỏi sân khấu chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia đi bỏ phiếu ở Hà Nội và đạt tín nhiệm cao nhất với 98,4% số phiếu bầu. Người xứng đáng là công dân số một, công dân vĩnh cửu của Nhà nước mới, của lòng dân.

Qua 6 tháng phấn đấu không mệt mỏi, Quốc hội đã được tổ chức thành công. Được sự ủy nhiệm của Quốc hội, Người giới thiệu thành viên mới của Chính phủ kháng chiến, đoàn cố vấn, ủy ban kháng chiến và ủy ban dự thảo Hiến pháp do Người làm trưởng ban. Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập do Người làm Chủ tịch. Trong lời tuyên thệ nhận chức Người nói: "Trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ Quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền Cộng hòa dân chủ Việt Nam, mang tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ".⁽¹⁾

Để chính phủ mới hoàn thành nhiệm vụ trước nhân dân, và lịch sử, Người đã ký một

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4, tr. 195.

loạt sắc lệnh về củng cố hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước. Người chỉ rõ chính quyền công nông là gánh vác công việc của dân, là đầy tớ của dân: "Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta"⁽¹⁾.

Người giáo dục cán bộ trong bộ máy nhà nước tránh các thứ bệnh như: Trái phép, cậy thế, tư túng, hủ hóa, chia rẽ, kiêu ngạo... đòi hỏi cán bộ phải "ghi sâu những chữ công bình chính trực vào lòng". Người rất nghiêm khắc "ai vi phạm lỗi lầm thì phải hết sức sửa chữa, nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung". Chính Người đã nêu tấm gương sáng cho đội ngũ cán bộ, do đó tuy mới có chính quyền, đội ngũ cán bộ chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý đất nước, nhưng cả bộ máy chính quyền còn non trẻ, thực sự được dân tin, dân yêu, thực sự đoàn kết toàn dân cứu nguy dân tộc.

Song song giải quyết các vấn đề đối nội, công việc đối ngoại được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo. Người đã thực hiện một loạt các hoạt động mang tính pháp lý ngoại giao của Chính phủ lâm thời. Người đã công bố chính sách ngoại giao 4 điểm của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa dựa trên

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 4, tr.56.

những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được các nước đồng minh ghi nhận trong Hiến chương Đại Tây Dương và Xanphranxixcô.

Được tin Liên hợp quốc thành lập Ủy ban tư vấn về Viễn Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoan nghênh sự kiện trên và cực lực lên án việc nước Pháp là thành viên trong Ủy ban đó. Với sự phân tích sắc sảo có tính pháp lý quốc tế cao: sự vắng mặt của Việt Nam trong Ủy ban, và sự có mặt của Pháp là đại diện trong Ủy ban là sự đại diện thiếu cơ sở pháp lý vì thực tế Pháp không có quyền vì Pháp đã bán Đông Dương cho Nhật, đã phản bội các nước Đồng Minh. Chiếu theo Hiến chương của Liên hiệp quốc thì Việt Nam có đủ các điều kiện tham gia Ủy ban đó.

Nhưng Liên hiệp quốc vẫn cố tình làm ngơ. Người viết thư phản đối việc làm sai trái đó tới Ngoại trưởng Mỹ. Được tin Liên hiệp quốc nhóm họp ở Luân Đôn có lập Tiểu ban xét đơn của các nước nhược tiểu, ngày 14 tháng 1 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện đến Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc và các ngoại trưởng các cường quốc đề nghị đưa vấn đề Việt Nam ra Liên hợp quốc yêu cầu thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc.

Tiếng nói đầu tiên gõ vào dư luận quốc tế,

đòi Liên hợp quốc bênh vực những yêu cầu chính đáng của một dân tộc. Tuy không hy vọng giải quyết ngay được, vì nhiều lý do khách quan khác nhau, nhưng chí ít cũng làm cho Liên hợp quốc, cho các cường quốc trên thế giới biết tới khát vọng của một dân tộc, biết đến cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam.

Ý thức sâu sắc "đem sức ta để giải phóng cho ta", ý chí tự cường dân tộc đã quyết định mọi thắng lợi, đó cũng là bản chất cơ bản nhất của Cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện thắng lợi đại đoàn kết dân tộc. Tất cả các đảng phái tiến bộ, các nhân sĩ, các điền chủ, thương gia, các tôn giáo, các lứa tuổi, các giới, các lực lượng xã hội nếu là người Việt Nam đều đứng lên bảo vệ bằng được các quyền độc lập tự do; bảo vệ quyền giải quyết việc nước, việc nhà không có bàn tay xúi giục, can thiệp ngoại bang. Khơi dậy ý thức dân tộc nên triệu triệu người dân ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài Mặt trận Việt Minh, Người chủ trương thành lập thêm các tổ chức mới như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt nhằm tập hợp mọi lực lượng của dân tộc chưa tham gia Mặt trận Việt Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Hội. Lòng nhân ái bao dung

của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm hóa nhiều nhân sĩ trí thức, quan lại của chế độ cũ, trong đó có Cựu hoàng Bảo Đại. Người đã mời ông ta làm cố vấn tối cao cho Chính phủ. Bảo Đại rất sung sướng. Khi ra Hà Nội làm việc Bảo Đại đã viết thư về bà Từ Cung rằng ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh "thương như con". Ngoài ra Người còn cử đặc phái viên Chính phủ vào Huế thăm hai bà Thành Thái và Duy Tân, cấp tiền giúp hai bà hàng tháng. Với lòng thành mong muốn đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã mời được nhiều nhân sĩ danh tiếng như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố tham gia Chính phủ. Người đã tin tưởng và mạnh dạn sử dụng những ông quan thượng thư, đại thần triều đình Huế như cụ Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hòe... Người nói thẳng quan điểm của mình: "Chỉ sợ lòng mình không rộng chứ không sợ người ta không theo mình". Đối với những người vì lý do này khác mà lầm đường lạc lối, nhưng tấm lòng bao dung của Người vẫn mở rộng, không để một ai đứng ngoài làm kẻ thù dễ lôi kéo, lợi dụng. Nghe tin Trần Trọng Kim ra Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử ông Hoàng Minh Giám đi tìm mời hợp tác nhưng tiếc rằng không gặp được. Biết tin Ngô Đình Diệm bị bắt giam tại nhà tù Hà Nội, Người đã ra lệnh thả họ Ngô và

muôn hợp tác nhưng do đầu óc hẹp hòi, thiên cận họ Ngô đã từ chối. Nhận xét về cái chết của bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh - cái chết sám hối vì sai lầm đã ra làm Thủ tướng bù nhìn cho Pháp, Người nói: "Về chính trị ông Nguyễn Văn Thịnh đã đi lầm đường nên bị cô lập. Nhưng ông chết đi thì dù sao nước Việt Nam cũng mất một bác sĩ mà nước Việt Nam đang rất cần những nhân tài như ông để kiến thiết."

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến khối đoàn kết các dân tộc anh em, Người đã tham dự Đại hội lần thứ nhất của dân tộc thiểu số Việt Nam chống xâm lăng. Người phát biểu trước Đại hội về quyền bình đẳng mọi mặt giữa các dân tộc. Người khẳng định các dân tộc đều là con cháu Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm nhiều tới sự đoàn kết các tôn giáo. Người đã mời Giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn tham gia Đoàn cố vấn tối cao của Chính phủ. Người đã trực tiếp vào Phát Diệm thăm giám mục Lê Hữu Từ và các linh mục giáo xứ Ninh Bình, Người nói với cha Từ: "Tôi về đây với một tấm lòng sốt sắng và thân mật... Dù Công giáo hay không Công giáo. Dù Phật giáo hay không Phật giáo đều phải đấu tranh cho nền độc lập nước nhà". Trưa hôm đó Người dùng cơm cùng với cha Từ và một nhà sư - một hình ảnh đẹp của đoàn kết hòa

hợp tôn giáo. Nhớ hôm vào thăm chùa Bà Đá ở trung tâm Hà Nội, dự lễ cầu siêu cho các chiến sĩ và ăn cơm chay với các sư. Người nhắc lại lời Phật dạy: "Làm Phật pháp không được xa rời thế gian. Phật thoại kể rằng ngày xưa các vị sư ở Ngũ Đài Sơn đã xuống núi đánh Ma Vương, cứu độ chúng sinh. Ngày nay Ma Vương chính là thực dân Pháp xâm lược. Vì vậy cần phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo để đánh giặc cứu dân, cứu nước..."

Sau ngày có chính quyền cách mạng, trên cương vị Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành đường lối đối ngoại mềm dẻo, phân hóa tối đa kẻ thù, nắm vững chủ quyền đất nước, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng chuẩn bị kháng chiến sau này. Để có điều kiện đối phó với kẻ thù hiếu chiến phía Nam, phía Bắc phải có sách lược rất mềm dẻo với 20 vạn quân Tưởng. Bọn tướng của Tưởng vào Việt Nam có nhiều mục đích và quyền lợi khác nhau. Tuy là mục đích "diệt Cộng cầm Hồ" nhưng bọn chúng mâu thuẫn gay gắt về quyền lợi. Biết Lư Hán không thích gì Pháp, vì Pháp đã có lần thu của y hàng vạn tấn hàng hóa; còn đối với Tưởng, qua vụ Tưởng tiêu diệt vây cánh của y là tướng Long Vân, Lư Hán rất bất mãn với Tưởng. Còn Tiên

Văn thì Người đã từng quen biết hồi ở Đệ tứ chiến khu. Đó là một viên tướng chính trị. Còn Chu Đức Thành thô bạo, quân phiệt. Tuy mỗi kẻ mỗi bộ dạng khác nhau, nhưng sang Việt Nam chỉ có một mục đích duy nhất là vơ vét làm giàu. Nắm được đôi thủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đối sách khôn khéo phù hợp với mỗi đối tượng. Thời kỳ đầu chúng vừa mới vào rất hung hăng, tướng thì đòi hết yêu sách này đến yêu sách khác, quân thì cướp bóc vơ vét. Tình hình rất căng thẳng. Chỉ cần một mâu thuẫn va chạm nhỏ cũng có thể xảy ra xung đột lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ và đồng bào phải hết sức bình tĩnh, kiên nhẫn để cứu nước. Ngày 30 tháng 3 năm 1946 trong phiên họp Hội đồng Chính phủ, Người căn dặn khi có sự xung đột giữa ta và Việt Nam Quốc dân Đảng phải "dàn xếp làm sao cho đại sự thì thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự". Người dạy: "Kiên nhẫn không phải là hèn nhát mà là một phương pháp đấu tranh. Để cứu nước lúc này có phải làm như Câu Tiễn cũng làm!".

Khi Tiễn Văn vừa mới sang, Người chủ động đến thăm trước để tỏ lòng hiếu khách. Người ân cần thăm hỏi, giải thích tình hình, đề nghị cùng hợp tác để giải quyết các vấn đề nảy sinh. Người mở tiệc chiêu đãi vợ chồng Tiễn Văn và tặng vợ y một số đồ trang sức,

sau đó tạo điều kiện cho vợ y buôn bán gạo và hàng hóa sang Hồng Kông. Nhờ đó Tiên Văn đã có bước chuyển biến, không hung hăng đòi lật đổ Chính phủ. Đối với Lư Hán cũng vậy. Người chủ động đến thăm nhắc lại kỷ niệm đã qua, một thời "Hoa - Việt thân thiện"; ngày nay chủ trương của Chính phủ lâm thời vẫn áp dụng tối hậu quốc dành cho Hoa kiều và trao đổi những vấn đề về hợp tác hai bên. Lư Hán yêu cầu ta phải bảo vệ tốt an ninh, trật tự để y không phải dùng người của y. Như vậy Lư Hán nghiêm nhiên công nhận Chính phủ của ta. Ngoài lời kéo, cảm hóa những viên tướng đầu sỏ, Người khuyên cán bộ các cấp cũng phải tiến hành công tác "binh vận" bọn cấp dưới, làm cho chúng bớt hung hãn, và tôn trọng ta. Người căn dặn: "Người cương thì mình phải nhu, phải khôn khéo lấy nhu thắng cương thì mới là biết mình, biết người".

Nhân dịp Hà Ứng Khâm - Tổng tham mưu trưởng quân đội Tưởng Giới Thạch và tướng Mắc Clơơ - Tổng chỉ huy lực lượng quân Mỹ ở Trung Hoa sang Việt Nam, Người chỉ thị chuẩn bị một cuộc mít tinh tuần hành lớn với danh nghĩa hoan nghênh phái bộ Đồng Minh nhưng thực chất là biểu dương lực lượng của quần chúng cách mạng xung quanh Hồ Chí Minh. Cuộc tuần hành đến ba mươi vạn người chinh tề, cờ, biểu ngữ, hô vang "ủng hộ

Chính phủ lâm thời", "ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh". Hà Ứng Khâm sang là để thuyết phục Tiên Văn ủng hộ quân Pháp. Nhưng khi thấy lực lượng ta lớn mạnh, nhân dân đồng lòng ủng hộ Hồ Chí Minh, cuối cùng y phải thỏa thuận với Lư Hán "điều đình không chính thức với Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời. Trong đó họ nắm hai bộ Ngoại giao và Kinh tế cùng chức Phó Chủ tịch Chính phủ.

Trong tình hình phức tạp đó, để mở rộng hơn nữa đại đoàn kết dân tộc, cô lập tối đa bọn phản động và tay sai, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn, để cứu vãn tình thế. Ngày 11-11-1945, Đảng CSDD tuyên bố tự giải tán để xóa đi lý do mà các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng để chống phá cách mạng. Thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật, vẫn luôn giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng. Một số bộ trưởng, là người của Việt Minh trong Chính phủ lâm thời đã tự nguyện rút lui để nhường ghế cho các đảng phái khác. Bác Hồ đã trực tiếp vừa bí mật vừa công khai thương thuyết với các thành viên đảng phái, thỏa thuận hợp tác, khi cần lùi bước nhượng bộ về sách lược như lùi ngày Tổng tuyển cử, nhường 70 ghế trong Quốc hội, thỏa hiệp để thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời... Nhờ sách lược mềm dẻo

mà tránh được sự đụng độ với quân Tưởng, lấy quân Tưởng làm bờ rào ngăn quân Pháp trở lại miền Bắc. Tranh thủ thời gian hòa hoãn, ta tích cực chuẩn bị lực lượng cho kháng chiến.

Nước Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung, thời kỳ sau chiến tranh đều nằm trong sự tính toán lợi ích của các nước có dính líu quân sự. Phía Nam, Anh rút quân để Pháp vào và Pháp nhượng cho Anh xứ Xyri và Li Băng. Ở Trung Quốc, Hồng quân Liên Xô giao vũ khí chiếm được của Nhật và toàn bộ lãnh thổ Mãn Châu cho quân giải phóng Trung Quốc. Điều đó buộc Tưởng Giới Thạch phải điều động binh lực lên chiến trường Đông Bắc nên phải rút quân khỏi Đông Dương. Trước khi rút Tưởng mặc cả với Pháp trả lại Tưởng các tô giới: Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông, bán lại đường sắt vào Nam và cho Tưởng dùng cảng Hải Phòng vận chuyển hàng quá cảnh miễn thuế qua đường Việt Nam.

Đó là kết quả của Hiệp ước Pháp - Hoa ký ngày 28 tháng 2 năm 1946. Tuy vậy, Pháp muốn đưa quân êm thấm vào miền Bắc nên phải điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh. Phía ta để giảm bớt căng thẳng với các đảng phản động thân Tưởng nên chủ trương hòa đàm với Pháp. Ta yêu cầu Pháp thừa nhận quyền độc lập và thống nhất của Việt Nam.

Còn Pháp thì chỉ muốn ta là quốc gia tự trị. Cuối cùng để cứu vãn tình thế diễn biến trên thực tế rất căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra một giải pháp: Nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do, phía Pháp chấp nhận và ngày 6 tháng 3 năm 1946 Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt được ký kết. Theo các điều khoản cơ bản trong Hiệp định, Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Nghị viện, quân đội, tài chính riêng ở trong liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp. Tiến hành trưng cầu dân ý thống nhất 3 kỳ. Việt nam chấp nhận 15 nghìn quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam thay quân Tưởng và sẽ rút sau 5 năm hai bên đình chiến để đàm phán. Từ một nước thuộc địa, chúng ta đã đạt được như vậy trong một hoàn cảnh đặc biệt căng thẳng là một thắng lợi ngoại giao. Đã loại Tưởng ra khỏi Việt Nam, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ta chỉ lo tập trung lực lượng đánh trả một kẻ thù. Mặt khác hòa hoãn với Pháp ta có thêm thời gian củng cố lực lượng chuẩn bị đón nhận cuộc đọ đầu lịch sử, khốc liệt.

Thời gian hòa hoãn đối với chính quyền cách mạng có một ý nghĩa rất quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh làm mọi cách để kéo dài thời gian hòa hoãn. Người xúc tiến nhiều cuộc gặp gỡ điều đình với Pháp.

Ngày 24-3-1946 trên chiến hạm Êmin Béctanh trên vịnh Hạ Long. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hội kiến với Đắcgiăngliơ, đã thỏa thuận mở Hội nghị trù bị Đà Lạt, sẽ có những cuộc thăm chính thức ngoại giao giữa 2 nước. Phái đoàn chính phủ Việt Nam sẽ sang Pháp để ký Hiệp ước chính thức và chính phủ Pháp sẽ mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm chính thức nước Pháp.

Cuối tháng 4-1946, Hội nghị trù bị Đà Lạt bế tắc do lập trường ngoan cố của Pháp về vấn đề Nam Bộ. Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang Pháp. Trước khi bước chân lên máy bay, Người nắm tay nhà chí sĩ cách mạng Huỳnh Thúc Kháng - Quyền chủ tịch nước và nói: "tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ Cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ: "dĩ bất biến ứng vạn biến". Ngày 22-6-1946, lễ đón Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức trọng thể ở Pari, lá cờ đỏ sao vàng của Việt Nam lần đầu tiên xuất hiện tung bay trên bầu trời nước Pháp. Từ thân phận của người dân mất nước, đi tìm nước của Nguyễn Ái Quốc, người mà trước đây bị mật thám Pháp truy lùng nay trở thành Chủ tịch nước làm thượng khách nước Pháp.

Trong lời đáp từ tại buổi chiêu đãi của thủ tướng Pháp Bidôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Nước Việt Nam và nước Pháp có

thể hòa hợp với nhau trong khối liên hiệp Pháp gồm những dân tộc tự do, bình đẳng..." đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" (Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Thời gian lưu lại ở nước Pháp, Người đã đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều nhà chính khách đoàn thể, các tầng lớp xã hội, Việt kiều... Hội nghị Phôngtennoblô gặp khó khăn vì phía Pháp. Người tổ chức họp báo tại Pari nêu rõ quan điểm hòa bình, hữu nghị, hợp tác của nhân dân Việt Nam cho nhân dân Pháp và dư luận thế giới biết. Vì Việt Nam xưa nay dư luận bị bóp méo, bưng bít nay được đưa ra công khai trước dư luận.

Để cứu vãn thế bế tắc, Người gặp Bộ trưởng Mutê trao đổi và đi đến ký bản Tạm ước Việt Pháp 14-9-1946. quy định hai bên dừng xung đột, Pháp bảo đảm quyền tự do, dân chủ ở Nam bộ... 2 bên sẽ mở lại đàm phán đầu năm 1947.

Ngày 18-9 rời nước Pháp, ngày 20-10 tàu cập bến Hải Phòng. Kết thúc chuyến thăm và đàm phán với nước Pháp. Tuy chưa đạt được những yêu cầu như mong muốn, nhưng đã đem lại thắng lợi to lớn về ngoại giao và thời gian quý báu để chuẩn bị lực lượng.

Như đã dự đoán trước, cuộc chiến tranh Pháp - Việt dứt khoát sớm hay muộn sẽ xảy ra. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí

Minh đã chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đụng đầu lịch sử đó.

Để xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh đổi Vệ Quốc đoàn thành Quân đội quốc gia Việt Nam, mở nhiều trường, nhiều lớp cán bộ chính trị, quân sự cho lực lượng vũ trang. Tăng cường củng cố thêm nhiều loại hình lực lượng vũ trang - xây dựng các lực lượng nửa vũ trang (dân quân du kích ở nông thôn và tự vệ thành phố). Huy động toàn dân ủng hộ xây dựng lực lượng vũ trang. Phát động toàn dân hưởng ứng phong trào "mùa đông binh sĩ". Người đã làm gương trong phong trào đó. Người nói "ở hậu phương, chúng ta có gia đình ấm áp, ở tiền phương các binh sĩ phải chịu rét mướt. Tôi có hai chiếc áo, một chiếc tôi mặc mấy năm nay, một chiếc tôi được biếu. Cả hai chiếc tôi tặng các chiến sĩ ngoài mặt trận".

Từ nông thôn vào lính, chiến sĩ, cán bộ thiếu kiến thức về quân sự. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy bận nhiều công việc lớn song Người tranh thủ hết mức để viết tài liệu cho bộ đội huấn luyện như *Binh pháp Tôn Tử* và một số tài liệu quân sự khác. Người dành thời gian đến với đồng bào, chiến sĩ, thăm hỏi động viên, kiểm tra đôn đốc mọi công việc huy động nhân tài, vật lực để đối phó với tình hình chiến sự sẽ xảy ra. Người gửi chỉ thị:

"công việc khẩn cấp bây giờ" đến các địa phương, nêu rõ nhiệm vụ cấp bách bây giờ là: "Kháng chiến và kiến quốc" phân tích chính xác bản chất hiếu chiến của thực dân Pháp và những hạn chế của địch, chúng chỉ có lực lượng để đánh chớp nhoáng, ta phải kiên trì thì địch sẽ thua, vì hậu phương chúng ở xa... Đó là những quan điểm quân sự, cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặt cơ sở niềm tin cho cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Tuy bận trăm công nghìn việc, nhưng khi nghe tin anh và chị ruột là bà Thanh và ông Khiêm ra thăm, Người dành thời gian ít ỏi của mình để tiếp đón những người ruột thịt yêu thương nhất của mình còn lại. Thể hiện trọn vẹn đạo làm em với anh chị. Gặp được em và biết em còn khỏe, thông cảm với Người còn đảm đương việc nước bà Thanh và ông Khiêm đã không nhận lời mời của Người lưu lại thêm ở Hà Nội mà vui lòng trở về quê để không ảnh hưởng đến thời gian của Người, khi biết chắc chắn Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thực là cậu Thành yêu quý ngày xưa của mình.

Như biết trước thế nào đại quân cũng phải kéo lên miền núi, từ tháng 8 năm 1945 Người đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng thu xếp chuẩn bị di chuyển các cơ quan của Đảng và Chính phủ và các trang thiết bị kỹ thuật máy móc...

Quân Pháp ngày càng thực hiện những hành động quân sự trắng trợn, tấn công xâm chiếm nhiều địa điểm của ta chiếm giữ, vi phạm nghiêm trọng những thỏa ước mà hai bên đã ký kết. Mặc dầu ta đã hết sức mềm dẻo, bằng con đường hòa bình, hòa giải nhưng phía Pháp khẳng khẳng không chấp nhận. Chúng gửi tới hậu thư buộc ta phải đầu hàng.

Phần V

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1954)

Chiều ngày 19 tháng 12 năm 1946, tại làng Vạn Phúc, trên gác hai của một gia đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. 20 giờ 03 phút đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946 cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cả dân tộc theo *Hịch kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng lên cầm vũ khí bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được. Năm đó Người đã 56 tuổi, tay chống gậy trúc, chân đi dép cao su, lên đường hòa trong đoàn quân ra trận.

Hòa bình chỉ có một năm bốn tháng. Nhưng đó là một giai đoạn mà cả dân tộc làm được bằng hàng thế kỷ. Từ thân phận một dân tộc nô lệ vươn lên, nay đã có đủ lực lượng đương đầu với một đội quân viễn chinh nhà nghề Pháp được Mỹ giúp sức. Tuy có chênh lệch về trang bị vũ khí, trình độ tổ chức

nhưng lực lượng toàn dân thì không có quân đội nào đánh thắng được.

Dưới ánh sáng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cuộc kháng chiến toàn dân, "mỗi công dân là một chiến sĩ, mỗi làng là một chiến hào" kiên trì bám trụ trên quê hương mình, bảo vệ mảnh đất chôn rau cắt rốn, nơi mà tổ tiên, ông bà truyền lại cho câu ca, điệu hát, nơi có cuộc sống yên bình sau lũy tre làng. Kẻ thù đến, tất cả vùng lên tiêu diệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy sức mạnh tổng lực đó của mỗi bờ tre, nóc nhà, ngõ xóm. Đó là pháo đài vĩ đại nhất mà bao kẻ thù phải bỏ chạy. Huống chi thực dân Pháp từ xa đến, chúng không thể cùng với dân ta bám trụ đánh lâu dài được. Đó là thế mạnh của ta, là thế yếu của Pháp, do đó phương châm: "Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến vừa kiến quốc".

Với đường lối "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lần nữa khẳng định thiên tài chỉ huy của một Tổng tư lệnh tối cao. Nắm vững tình thế, nắm vững lợi thế, phát huy lòng người tạo nên một chính thể toàn cục vững mạnh.

Hành trang đi kháng chiến thật đơn giản gọn nhẹ. Chiếc ba lô đựng vài bộ quần áo, chiếc túi đựng tài liệu với cái máy chữ. Tháng 11-1946, Người rời Hà Nội đến Vạn Phúc sau đó Xuân Dương (Thanh Oai), tháng 1 năm

1947 Người rời Xuân Dương. Đến tháng 2 từ Chùa Thầy, Người vào thăm Ninh Bình, Thanh Hóa. Đầu tháng 3, Người chuyển về Cổ Tiết (Tam Nông), Chu Hóa (Lâm Thao), đến Hợp Thành (Sơn Dương, Tuyên Quang), giữa tháng 5 Người chuyển về Thanh Định (Định Hóa, Thái Nguyên). Nơi nghỉ chân của Người rất giản dị. Chiếc lán nhỏ làm bằng tre, gỗ dễ tìm.

Nơi đó có:

*Trên có núi, dưới có sông
Có đất ta trồng, có bãi ta vui.
Tiện đường sang Bộ Tổng
Thuận lối tới Trung ương.
Nhà thoáng, ráo, kín mái
Gần dân, không gần đường.*

Những người phục vụ bên Người là một tập thể đoàn kết, gắn bó như trong một gia đình. Để giữ bí mật, Người đặt tên mới cho mỗi người là Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi. Người nói vui: "Các chú là khẩu hiệu sống bên Bác".

Kháng chiến gian nan, thiếu thốn. Rảnh việc là Người cùng anh em vác cuốc trồng rau, trồng bí, chăn nuôi, để vừa là hoạt động rèn luyện sức khỏe nơi núi rừng độc hại, vừa có thêm thức ăn cải thiện bữa ăn. Chiều chiều thường chơi thể thao. Tết đến, đốt lửa trại, ống nứa cháy kêu giòn thay pháo. Vui "trùm lửa" với anh em trong cơ quan. Có Tết

phải chạy giặc. Nhưng Tết nào Người cũng có thơ chúc mừng năm mới, có thơ gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Người quan tâm chăm lo giáo dục rèn luyện đội ngũ cán bộ cách mạng. Mạnh về chính trị, vững về tổ chức, chuyển hướng về tư tưởng lối sống, tác phong công tác phù hợp với thời chiến. Năm 1947, Người viết 2 tác phẩm quan trọng: "Đời sống mới" với bút danh Tân Sinh và "Sửa đổi lối làm việc" với bút danh X.Y.Z.

Trong tác phẩm "Đời sống mới", Người chỉ ra kháng chiến bắt đầu mỗi người lo mỗi việc, ai ai cũng khó khăn, vất vả do đó phải thực hiện đời sống mới, phải sửa chữa những cái cũ, không phù hợp, phải thực hiện những cái mới trong công tác, ăn mặc, đi lại... ai ai cũng phải cần, kiệm, liêm, chính, làm cho kháng chiến "vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn".

Trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" Người phân tích vì sao phải sửa đổi lối làm việc và nếu làm việc đúng hơn, khéo hơn thì thành tích sẽ to hơn. Người chỉ rõ những căn bệnh cần sửa là: Chủ quan, kém lý luận, lại xa thực tế, hẹp hòi, cá nhân, bản vị, cục bộ, ba hoa trong cách nói, cách viết, Người quan tâm đến vấn đề cán bộ. "Cán bộ là gốc của mọi công việc..." Sửa đổi lối làm việc", thể

hiện những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, nó là văn kiện quý giá giáo dục, rèn luyện cán bộ trở thành những người trung thành và tận tụy với sự nghiệp cách mạng.

Tháng 6 năm 1948 Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào "Thi đua ái quốc". Cả nước dấy lên phong trào thi đua sôi nổi chưa từng có: "Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua". Tất cả các lực lượng, các giới, mọi lứa tuổi đều tham gia thi đua. Phong trào thi đua yêu nước thực sự là ngày hội của quần chúng, khẳng định sức mạnh toàn dân khi đã biết tập hợp lại trở thành một vũ khí trăm trận trăm thắng. Qua phong trào thi đua đã cung cấp cho kháng chiến những lực lượng vật chất vô cùng to lớn, một khí thế quần chúng sôi động, một đội ngũ cán bộ biết tổ chức, trưởng thành về mọi mặt, đáp ứng chuyển hướng chiến lược cách mạng.

Tuy vậy cách mạng còn gặp nhiều khó khăn. Tháng 4 năm 1949, quân giải phóng Trung Quốc đánh xuống phía Nam, yêu cầu ta phối hợp tác chiến. Theo chỉ thị của Bác, ta mở chiến dịch "Thập vạn đại sơn" giải phóng một loạt khu vực quan trọng gần biên giới Trung - Việt từ Long Châu đến Ninh Minh, Bằng Tường, Phòng Thành. Chiến dịch đó đã thể hiện tinh thần quốc tế vô sản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949 nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Người gửi điện chúc mừng. Sau đó vào ngày 19 tháng 1 năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật sang Bắc Kinh hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Các đồng chí Trung Quốc đón tiếp Người nồng nhiệt và bày tỏ lòng khâm phục sâu sắc đối với cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam anh hùng.

Ngày 3 tháng 2 năm 1950 Người rời Bắc Kinh đi Liên Xô, trong thời gian thăm Liên Xô, Người đã có những cuộc tiếp xúc với các đồng chí Liên Xô và đại diện Đảng Cộng sản Pháp. Cuối tháng 3 năm 1950 Người về tới Việt Bắc. Thắng lợi lớn nhất trong chuyến đi hai nước lớn trong phe dân chủ là hai nước đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia trong đại gia đình dân chủ thế giới, và đã giúp ta vũ khí, khí tài phục vụ kháng chiến, đào tạo cán bộ. Sau chuyến đi thăm đưa đến thắng lợi vô cùng to lớn ta đã phá tan thế kìm kẹp, bao vây của địch. Tháng 7 năm 1950, ta quyết định mở chiến dịch Biên giới. Người trực tiếp kiểm tra kế hoạch tác chiến, phê chuẩn mệnh lệnh chiến dịch. Người trực tiếp ra trận địa quan sát cứ điểm Đông Khê, cảm hứng làm bài thơ: "Lên núi":

*Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đổ vạn trùng mây*

Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu

Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

Chiến dịch đại thắng lợi, mảnh đất tự do nối liền với hậu phương lớn là hai nước Xô - Trung vĩ đại. Thắng lợi đã có nhiều ý nghĩa to lớn, đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo nên thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta vào thế tấn công.

Giữa khí thế sôi nổi của thắng lợi trên mặt trận quân sự và ngoại giao - điều kiện tốt để Đảng quyết định mở Đại hội Đảng lần thứ Hai tại Tuyên Quang từ ngày 11 đến 19 tháng 2 năm 1952. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị trước Đại hội. Sau khi điểm lại tình hình diễn biến và tính chất cuộc kháng chiến, Người đi đến kết luận: phát huy thắng lợi đã đạt được, quyết tâm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội đã nhất trí cao, bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng. Đại hội nhất trí theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam. Ngày 3 tháng 3 năm 1951 Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt khai mạc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và phát biểu, Người đúc kết chân lý:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cao đẹp nhất của tinh thần đoàn kết, là vị cha già

kinh yêu của đại gia đình Việt Nam, là cây đại thụ tỏa bóng mát đến mỗi thân phận, mỗi cuộc đời của dân tộc Việt Nam.

Để tập trung lực lượng cho cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Đảng ta chủ trương phát động cải cách ruộng đất, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mục đích, đường lối, phương châm tiến hành cải cách ruộng đất, dựa hân vào bản cổ nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt. Người chỉ rõ: "Vấn đề xuất thân có quan hệ thật, nhưng nếu xuất thân là địa chủ nhưng đứng hân về phía nông dân, thì không phải là địa chủ nữa. Địa chủ cũng có những người yêu nước, tham gia cách mạng. Người dẫn gương Bàn Bá ở Trung Quốc, xuất thân gia đình đại địa chủ, nhưng lại lãnh đạo nông dân đấu tranh chống địa chủ phong kiến. Gương của Ăngghen tuy là con nhà tư sản nhưng đã trở thành người thầy của giai cấp công nhân. Tuy vậy nhiều nơi đã mắc những sai lầm nghiêm trọng, Người đã kịp thời phê phán: "Đấu thì chỉ đấu với địch, nhưng có nơi thì gặp ai cũng đấu..., có nơi dùng nhục hình thế là dã man. Đảng và Chính phủ đã có chỉ thị: tuyệt đối cấm nhục hình, dù đối với người có tội cũng không được đánh đập"⁽¹⁾, cải cách ruộng đất là

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. T.VII, tr.55.

bài học lịch sử, cả về thắng lợi và cả về những sai lầm trong quá trình thực hiện.

Khắp chiến trường hai nước Việt, Lào quân ta mở nhiều đợt tấn công đại thắng. Quân Pháp tập trung xây dựng cứ điểm quân sự hùng mạnh Điện Biên Phủ. Chúng khoe khoang là pháo đài bất khả xâm phạm. Ngày 6 tháng 12 năm 1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng quyết định tập trung lực lượng tinh nhuệ của ta mở cuộc tấn công chưa từng có vào cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với mặt trận chính khắp các chiến trường đều tấn công đồng loạt. Hậu phương chi viện cao nhất cho chiến dịch lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cờ " Quyết chiến, quyết thắng" cho quân đội. Người căn dặn Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước giờ xuất kích: Đánh chắc thắng. Đó là chỉ thị của Người cho quân đội ta - Quyết chiến, quyết thắng. Ngày 13 tháng 3 quân ta nổ súng mở màn chiến dịch. Sau 55 ngày đêm vượt qua bao gian khổ, hy sinh, ngày 7 tháng 5 năm 1954 lá cờ "quyết chiến, quyết thắng" của Bác Hồ đã phấp phới bay trên nóc hầm Tướng Đờ Cát Tơri, hơn một vạn quân Pháp bị bắt làm tù binh. Quân ta ca khúc khải hoàn đại thắng. Người khẳng định "Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã. Đồng thời phong trào giải phóng dân

tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn" (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 2, tr. 261). Thắng lợi của cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến thắng Điện Biên Phủ buộc thực dân Pháp và quan thầy Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký Hiệp nghị Giơ ne vơ. Các nước thừa nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia. Ngừng bắn trên toàn chiến trường Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Phần VI
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO
TOÀN DÂN ĐỒNG LÒNG XÂY DỰNG
VÀ BẢO VỆ MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Hòa bình trở lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Trong niềm vui lớn của dân tộc Bác Hồ trở về Thủ đô Hà Nội. Ngày 19 tháng 9 năm 1954 trên đường trở về Người ghé thăm Đền Hùng. Tại Đền Giếng, Người gặp một số cán bộ chiến sĩ Đại đoàn quân tiên phong đang đóng quân tại đây. Người nói chuyện thân mật với đoàn sau khi nêu lên những cống hiến to lớn của các vua Hùng cho dân tộc Người căn dặn: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Ngày 15 tháng 10 năm 1954, Bác về đến Hà Nội. Người ở tạm trong một căn phòng ở nhà thương Đồn Thủy (nay là Quân y viện 108). Đến cuối năm Người về ở tại ngôi nhà nhỏ một tầng của người phục vụ Phủ Toàn

quyền cũ. Người là Chủ tịch nước, nhưng đức tính khiêm tốn, lối sống giản dị, nêu gương sáng cần, kiệm, liêm, chính trong những ngày đầu hòa bình lập lại.

Tuy bận trăm công nghìn việc của vị Chủ tịch nước, Bác Hồ vẫn dành thời gian để đi thăm đồng bào, các đơn vị bộ đội, nhà máy, trường học, bệnh viện... Đi tới đâu Người cũng được đồng bào nồng nhiệt đón chào. Đến các cơ sở, Người nắm tình hình một cách cụ thể, sát thực tế chứ không chỉ nghe qua báo cáo của các thủ trưởng cơ sở. Người xuống tận nơi làm việc của người lao động, hỏi thăm ân cần mọi người. Xuống tận nơi sinh hoạt, nhà ăn, khu vệ sinh... nếu chưa sạch Bác ân cần khuyên nhủ, nếu gọn gàng vệ sinh Người biểu dương. Người tốt, có thành tích Bác khen ngợi, có tặng thưởng và đó cũng là niềm vinh dự lớn lao trong đời công dân nước Việt Nam.

Cùng Trung ương Đảng Người lãnh đạo miền Bắc xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng làm hậu phương vững chắc cho công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Từng bước khôi phục nền kinh tế bị kiệt quệ sau nhiều năm chiến tranh. Tăng cường phát triển toàn diện về kinh tế, tăng năng suất cây trồng, thực hiện người cày có ruộng. Củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, từng bước xây dựng tổ đổi công,

hợp tác xã. Chú trọng phát triển văn hóa, khoa học kĩ thuật.

Bên cạnh thắng lợi cơ bản, cải cách ruộng đất còn có những sai lầm nghiêm trọng, Bác Hồ đã tự phê bình một cách nghiêm khắc: "Vì ta thiếu dân chủ nên nghe ít, thấy ít... Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này. Khuyết điểm của tôi đã ảnh hưởng đến sai lầm của cải cách ruộng đất và chính đốn tổ chức" (*Biên bản Hội nghị Trung ương lần thứ Mười (mở rộng)*). Sai lầm cụ thể "trong việc thực hiện đoàn kết nông thôn, việc đánh kẻ địch, việc chấn chỉnh tổ chức, trong chính sách thuế nông nghiệp"⁽¹⁾, đặc biệt trong sử dụng phương pháp đấu tố tràn lan, thô bạo, dùng nhục hình, thiếu phân biệt đối xử giữa địa chủ cường hào gian ác với địa chủ kháng chiến, địa chủ tiến bộ, những người có công với cách mạng, dẫn đến quy sai, xử trí sai đối với nhiều cán bộ, đảng viên lâu năm. Những sai lầm đó "đã gây ra nhiều thiệt hại cho Đảng ta. Nó đã làm cho lực lượng Đảng bị tổn thất nặng. Làm cho đảng viên và cán bộ hoang mang và hoài nghi chính sách của Đảng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến truyền thống và ý chí đấu tranh của các đảng bộ, đến tinh thần đoàn kết trong Đảng, trong chính quyền, trong Mặt trận, khiến cho uy tín của Đảng bị giảm sút trong

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 6, tr. 507.

quần chúng. Quan hệ giữa Đảng với quần chúng bị ảnh hưởng rất nhiều".⁽¹⁾ Đảng đã kỷ luật một số đồng chí ủy viên Trung ương và ủy viên Bộ Chính trị về trách nhiệm đối với sai lầm trong cải cách ruộng đất. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Hội nghị Trung ương lần thứ XX và nhấn mạnh: "Việc thi hành kỷ luật đối với các đồng chí Trung ương nói trên chứng tỏ với nhân dân là kỷ luật của Đảng nghiêm minh, điều đó giáo dục cho cán bộ, đảng viên đó biết tôn trọng kỷ luật". Tại Hội nghị này Người được bầu làm Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Người phát biểu: "Là một đảng viên, một người cách mạng, Đảng giao cho bất kỳ việc gì cũng phải làm, phải phục tùng, phải cố gắng".

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu tấm gương sáng về phê bình và tự phê bình. Người nói: "Chỉ có đảng chân chính cách mạng và chính quyền thật dân chủ mới dám mạnh dạn tự phê bình, hoan nghênh phê bình và kiên quyết sửa chữa!"⁽²⁾

Vượt qua những khó khăn, sai lầm trong cải cách ruộng đất, Bác Hồ và Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân hăng hái bước vào công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Quan niệm về xã hội chủ nghĩa, Người nói dễ hiểu:

⁽¹⁾ *Những sự kiện lịch sử Đảng*. Tập I.

⁽²⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 7, tr. 493.

"Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng.v.v... là của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em."; nói tóm tắt: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh".⁽¹⁾

Tháng 10 năm 1955 Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc nhóm họp. Đại hội thành lập: Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thay cho Mặt trận Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.

Miền Bắc hòa bình, mọi người có điều kiện được hưởng ấm no hạnh phúc, cuộc sống dần dần đầy đủ. Bác Hồ là người lãnh đạo cao nhất của Đảng của Nhà nước, của dân tộc. Nhưng Người sống một cuộc sống giản dị, trong ngôi nhà sàn nhỏ cạnh hồ nước. Nơi ở không là lầu son gác tía, cung điện nguy nga của một người đứng đầu quốc gia. Nhớ khi Người về ở trong Phủ Chủ tịch, Người từ chối ở trong Dinh Phủ Toàn quyền cũ, nơi đó có đủ tiện nghi sinh hoạt cho nguyên thủ quốc gia. Người dành nơi đó cho việc họp hành, tiếp khách quốc tế, tiếp các đoàn đại biểu, các đoàn thể, tầng lớp nhân dân. Từ ngôi nhà nhỏ tầng trệt rồi sau này Người chuyển sang ở ngôi nhà sàn mà hiện nay là di tích lịch sử thiêng liêng, cuộc sống

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 8, tr. 682.

của Người vô cùng giản dị. Hy sinh cuộc sống gia đình cho Tổ Quốc, nhân dân. Người sống như một người dân bình thường của đất nước Việt Nam. Bữa cơm chỉ có vài món ăn đơn giản. Lúc ăn Người luôn có ý thức không để rơi vãi, ăn xong xếp đặt gọn gàng, ăn chừng nào Người lấy riêng chừng đó, để không thừa lãng phí. Đồ dùng thật giản dị, mấy bộ quần áo màu nâu bình dị như người dân. Đôi dép cao su Người dùng đến vệt gót, đứt quai Người đóng lại dùng tiếp. Cổ áo sờn rách Người tháo ra lộn trong ra ngoài nên vẫn thấy như mới không rách, đôi tất thủng Người cho khâu lại dùng tiếp. Có bộ áo quần kaki khi xuống thăm công nhân nhà máy bị xút té vào nên thủng mấy chỗ nhỏ, người phục vụ yêu cầu Bác thay bộ mới hơn vì nó đã bị rách. Bác ôn tồn bảo, dân tộc có phúc lớn khi Chủ tịch nước mặc áo rách. Những đồ dùng tư trang bình dị đã cùng Người đi đến mọi nơi của đất nước: xuống lội bùn, tát nước, làm ruộng với nông dân; đến thăm người công nhân đứng máy, người chiến sĩ trên thao trường; đi chống hạn, chống úng với bà con nông dân. Đêm 30 Tết Người còn thức cùng các đồng chí cấp tỉnh bàn đưa năng suất lúa lên 5 tấn. Trước đây hoạt động ở nước ngoài, Người đã từng bôn ba gần 28 quốc gia đi hết 30 năm ròng mới tìm được con đường cứu nước. Nay đã có nước, Người lại đi không mỗi đặt chân khắp mọi nẻo đường, thừa

ruộng, xưởng máy để đi tìm ấm no, hạnh phúc cho dân. Cái hoài bão, cái ham muốn tốt bậc của cuộc đời người là thế. Gia đình của Người là đại gia đình các dân tộc. Người hạnh phúc và tự hào về đại gia đình đó. Người lo đêm ngày mong sao gia đình đó mãi mãi ấm êm, sung sướng thì cuộc đời Người luôn rộng mở đón gió thời đại. Nơi nhà sàn lộng gió và ánh sáng, ngát thơm hoa vườn do tay Người trồng. Trong ngát màu xanh cây cối rộn tiếng chim bên nhà sàn, Người thả tâm hồn thi nhân trong cảnh thiên nhiên trữ tình trong bản hòa tấu của tiếng chim, cá đớp mồi, ve râm ran, gió lộng mặt hồ...

Tạm xong công việc Chủ tịch nước, Người ra vườn cuốc đất trồng rau, tưới hoa, cho cá ăn. Tĩnh tâm, tĩnh trí với thiên nhiên cho Người thêm trí lực mới. Triết lý Hồ Chí Minh, như có triết gia đã nhận xét, là hòa đồng với các mâu thuẫn trong tự nhiên và xã hội. Người yêu thiên nhiên, thích cây xanh, hoa thơm và hồ cá, tất cả hòa đồng trong một chỉnh thể. Trước nhà, Người cho trồng hàng rào râm bụt. Mảnh đất nhỏ trước sân là hoa nhài, hoa mộc, hoa dạ hương, hoa sói, quanh bờ ao là ngọc lan, hoàng lan và y lan. Trên bàn làm việc có chiếc cốc thủy tinh, mùa nào hoa nấy. Người thích có hoa thơm trong phòng. Người đọc rất nhiều sách, nhưng không để lại như một thư viện đồ sộ giống

như nhiều nguyên thủ quốc gia. Người không thích hình thức, đọc xong cuốn sách nào Người gửi tới các cơ quan nghiên cứu để sách đó được tiếp tục sử dụng, phục vụ được nhiều hơn cho nhân dân. Căn phòng ngủ Người tự bố trí gọn gàng, ngăn nắp, đơn giản. Một máy thu thanh, mùa đông có thêm lò sưởi, mùa hè có chiếc quạt bàn - mà Người được tặng. Để tiện sử dụng đèn, máy thu thanh và quạt, công tắc đều kéo về đầu giường để khi đi ngủ, hay khi thức dậy Người tự bật, tắt dễ dàng.

Người đi nhiều, hiểu nhiều văn hóa Đông, Tây, Kim, Cổ. Nhưng khi về với nhân dân, với đồng bào ít học Người nói, viết ai cũng hiểu, dễ làm theo. Người căn dặn cán bộ khi nói và viết chữ nên dùng chữ ta, chứ đừng dùng chữ nước ngoài. Người hay dùng ca dao, tục ngữ, dùng lối nói ví von, dí dỏm. Đối với người học càng cao, hiểu càng rộng thì càng phải hòa mình gần gũi với đời sống nhân dân. Bác Hồ là tấm gương mẫu mực của việc giữ gìn truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Người luôn chú trọng giữ gìn và phát huy thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Người đánh giá cao các bản *Hương ước* xưa của làng. Người khuyên nên giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán hay lối sống đẹp trong văn hóa dân gian. Các lễ hội ca ngợi công đức của những hào kiệt dân tộc, lối sống nhân hậu, yêu thương, đùm bọc, đoàn

kết cộng đồng được Người chú trọng phát huy. Bên cạnh đó Người cũng khuyên nên bỏ các hủ tục hay những phong tục rườm rà, không hợp thời hoặc biến cải đi cho văn minh hợp với thời đại.

Đặc biệt Bác Hồ là người đã khơi dậy nhiều hoạt động sinh hoạt cộng đồng mới mẻ như phát động Tết trồng cây, đã tạo thành thói quen, nếp nghĩ, lối sống, thành phong tục đẹp trong những ngày đầu xuân ở mỗi người. Người phát động "Ngày Thương binh, liệt sĩ", phong trào "Người tốt, Việc tốt"; "Phong trào thi đua yêu nước". Mỗi ngành, mỗi giới đều có những phong trào thi đua của mình.

Cả dân tộc theo Bác đẩy lên những phong trào thi đua sôi nổi, lâu dài và hiệu quả. Từ những phong trào đó đã đào tạo nên biết bao thế hệ tiêu biểu, thế hệ "vàng" của mọi thời đại.

Năm 1957, sau bao năm xa cách lần đầu tiên Người trở về thăm quê hương. Từ ngày rời làng Sen vào Huế lần thứ 2, sau đó ra đi tìm đường cứu nước, thời gian trên nửa thế kỷ xa quê. Tuy vậy Người vẫn nhớ đường đi lối lại. Người tự vạch hàng rào râm bụt đi vào nhà, không đi theo lối cổng mới mở (nay làm lại đúng như lối Người đi). Người thăm hỏi người thăm, họ hàng ai mất ai còn, không quên hỏi thăm người bạn thiếu thời làm thợ rèn lúc ấy...

Nói chuyện với hơn 3000 đồng bào quê hương, Người nói: "Tôi là một người em tỉnh

nhà đã hơn 50 năm xa cách quê hương. Hôm nay là lần đầu về thăm tỉnh nhà. Có thể nói:

Quê hương nghĩa nặng tình cao

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

Đã lâu về quê hương thì thường tình người ta tủi tủi mừng mừng. Tôi không thấy tủi tủi mà chỉ thấy mừng mừng.

Người mừng vì khi ra đi nước nhà còn nô lệ, nhân dân sống khổ cực dưới ách áp bức thực dân phong kiến, nay đã trở thành người tự do của nước độc lập. Người biểu dương những thành tích tỉnh nhà đạt được, Người nêu ra những khuyết điểm cần khắc phục như chưa chú ý tiết kiệm, còn để thất thu thuế của Nhà nước... căn dặn đồng bào đoàn kết phấn đấu không ngừng vươn lên.

Sau đó Người còn đi thăm các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ quốc tế. Khi miền Bắc được giải phóng, để nâng cao uy thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thêm sức mạnh củng cố xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà rất cần tới sự ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè năm châu. Sau khi Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được ký kết. Người đã công bố chính sách đối ngoại của nhà nước ta: "Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt mối quan hệ thân thiện với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc tôn trọng sự hoàn chỉnh về

chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi, và chung sống hòa bình"⁽¹⁾. Ưu tiên đặc biệt trong chiến lược đối ngoại là hướng về các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa. Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng và Chính phủ đi thăm nhiều lần, nhiều nước XHCN. Tháng 6-1955, đi thăm Liên Xô, Trung Quốc, Mông Cổ. Tháng 7-1957, đi thăm các nước CHDCND Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba Lan, CHDC Đức, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Ruman, đã thu được những thành công to lớn. Tháng 11-1957, Người tham dự Hội nghị các Đảng cộng sản. Tháng 2-1958, Người đi thăm hữu nghị Ấn Độ, Miến Điện, Indônêxia. Nhằm thắt chặt quan hệ hữu nghị, tăng cường tình đoàn kết quốc tế, củng cố hòa bình thế giới.

Ngày 5-9-1960, tại Hà Nội khai mạc Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng. Người đã đọc diễn văn khai mạc Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: Đưa miền Bắc tiến lên CNXH và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân trong cả nước. Đại hội nhất trí bầu Người là Chủ tịch BCHTW khóa III.

Tháng 2-1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phát động cuộc chiến tranh phá hoại ra miền

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.7, tr.268.

Bắc, hòng ngăn chặn sự chi viện cho chiến trường miền Nam. Dân tộc ta đứng trước một thử thách nghiêm trọng. Trong lúc đó sự bất hòa Xô - Trung, nội bộ mỗi nước có những phức tạp riêng của nó. Cho nên, cuộc chiến đấu của ta càng gặp nhiều khó khăn. Bác Hồ lãnh đạo toàn dân phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đề ra những chiến lược cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Trước hết đó là đường lối, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tháng 1 năm 1966, Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập cán bộ cao cấp nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 12, một Nghị quyết rất quan trọng để vạch ra những phương châm chiến lược nhằm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Nói chuyện với Hội nghị, Bác Hồ đã phân tích rõ tình hình và vạch ra những nét lớn trong đường lối chống Mỹ của cách mạng Việt Nam. Người nêu vấn đề: Mỹ và ta đánh nhau, Mỹ không thắng được, thì ai thắng? Và Người khẳng định: ta thắng"... "chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc là hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng, và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.7, tr.103.

Mặc dầu vừa phải tăng cường chống trả cuộc tấn công ném bom của Mỹ ở miền Bắc. Người vẫn ngày đêm theo dõi, chỉ đạo sát sao phong trào chống Mỹ ở miền Nam... Nam - Bắc tạo thành một mặt trận thống nhất đánh trả thắng lợi những cuộc chiến tranh trên quy mô lớn của Mỹ. Nhân những thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam, Người đã gửi thư, điện biểu dương kịp thời. Ngày 6-11-1965 gửi Trung ương Cục miền Nam, Người căn dặn: "Luôn luôn gắn thể tấn công địch mạnh mẽ và bảo vệ mình tốt". Tháng 9-1967, Đại hội của MTDTGPMNVN họp và thông qua Cương lĩnh chính trị nhằm mở rộng khối đoàn kết dân tộc thống nhất, đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Bác Hồ gửi thư đến luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Người nêu rõ: "Đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta... Dù giặc Mỹ hung ác đến đâu, sức mạnh đoàn kết vĩ đại của chúng ta nhất định sẽ thắng chúng"⁽¹⁾. Sau ngày Tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1968. Bác Hồ đã gửi thư cho UBMTDTGPMN, Người đánh giá cao những thắng lợi "là rất to lớn và toàn diện, làm nức lòng đồng bào trong cả nước và anh em bè bạn khắp năm châu. Người cũng căn dặn đồng bào và chiến sĩ phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa... vượt qua gian khổ hy sinh, đánh

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.7, tr.287.

liên tục, đánh đều khắp, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa"⁽¹⁾

Xây dựng miền Bắc vững mạnh, làm hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam, Hồ Chí Minh ngày đêm lo lắng đến sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Người hoạt động không mệt mỏi vì đồng bào miền Nam. Miền Nam là máu thịt, là nửa cơ thể của Tổ Quốc. Một khi đồng bào miền Nam đang rên xiết dưới gót giày ngoại xâm thì Người ăn không ngon, ngủ không yên. Nhớ lần về thăm đồng bào vùng gần giới tuyến sông Hiền Lương, cảnh đêm, đau đáu về phương Nam, Người tâm sự: "Bác đã đi đến nơi, nhưng về chưa đến chốn". Ba mươi năm tìm đường cứu nước, Người đã mang về cho dân tộc ánh sáng tự do, nhưng miền Nam chưa trọn vẹn trở về chung một nước. Tình cảm với đồng bào miền Nam luôn luôn trong trái tim Bác. Cây vú sữa của đồng bào miền Nam tặng Bác được Người tự tay trồng và ngày ngày chăm sóc. Khi chuyển sang ở nhà sàn, Người mang trồng cạnh nhà để được ngày ngày nhìn thấy cây như được thấy đồng bào miền Nam luôn bên mình.

Nghe tin có cán bộ, bộ đội, đồng bào miền Nam ra Bắc là Bác tranh thủ đến thăm. Mỗi lần trả lời phỏng vấn báo chí nước ngoài hay

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, T.12, tr.355.

gặp các đoàn quốc tế, Người khẳng định sự nghiệp thống nhất đất nước Việt Nam là không gì lay chuyển được. Người cực lực tố cáo đế quốc Mỹ và tay sai tàn sát đâm máu đồng bào ta ở miền Nam. Người trực tiếp cùng Trung ương Đảng chỉ đạo cách mạng miền Nam tiến hành các hình thức đấu tranh chống kẻ thù và động viên miền Bắc phấn đấu chi viện cao nhất cho cách mạng miền Nam. Chính điều đó đã tạo nên những bước chuyển biến nhảy vọt của thế và lực của cách mạng miền Nam.

Hồ Chí Minh sớm nhận rõ, đánh giá đúng bản chất của kẻ thù là ngoan cố, hung hăng và tàn bạo. Người chỉ rõ thế yếu cơ bản nhất của chúng là phi chính nghĩa, giả hiệu, và trong nội bộ luôn chứa đựng những mâu thuẫn không bao giờ giải quyết được. Từ trên cơ sở phân tích khoa học đó, Hồ Chí Minh tin tưởng sắt đá rằng cách mạng miền Nam nhất định thắng. Việt Nam hòa bình, thống nhất đó là điều chắc chắn.

Người ra lời kêu gọi, lời hịch khích lệ toàn dân tộc hướng tới chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Tết đến, xuân về là ngày vui của cả dân tộc. Hồ Chí Minh làm thơ chúc Tết, mừng xuân nhưng tràn đầy khí thế “thừa thắng xông lên” của cả dân tộc:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà*

*Nam, Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta.*

(Xuân 1968)

Thơ xuân 1968, là lời hiệu triệu cả miền Nam tổng tấn công, làm cho kẻ thù hoảng sợ, cả thế giới kinh ngạc và khâm phục.

Tuy tuổi cao, sức khỏe yếu, nhưng Bác vẫn mong muốn trực tiếp vào miền Nam để động viên quân và dân miền Nam chiến đấu. Ngày 10 - 3 - 1968 trong thư riêng gửi đồng chí Lê Duẩn, Bác đề nghị được vào miền Nam, lúc này “đang chuẩn bị mở màn chiến dịch. Đi thăm đúng lúc mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em” và Bác vạch ra kế hoạch và hành trình cụ thể cho chuyến đi. Để thực hiện ý định đó, Bác ngày đêm tích cực luyện tập nâng cao thể lực. Nhưng do tuổi cao, sức khỏe yếu nên Bác đã không thực hiện được ý định đó. Mặc dầu không vào được miền Nam nhưng mỗi khi có đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, Người trực tiếp đến hỏi thăm tình hình miền Nam. Sự quan tâm đặc biệt, sự chỉ đạo động viên kịp thời và đặc biệt, những quyết định sáng suốt của Bác là nguồn lực, là nhân tố quan trọng làm cho cách mạng miền Nam phát triển nhanh chóng.

Phần VII

TRỌN CUỘC ĐỜI 79 MÙA XUÂN

Tuổi cao sức yếu đó là quy luật của Tạo Hóa. Năm 1969 Bác Hồ bước sang tuổi 80. Trải một cuộc đời đầy bão tố gian nan trên con đường cứu nước, nhưng Người vẫn lạc quan, rèn luyện sức khỏe để kéo dài tuổi thọ. Người đã từng viết:

*Sống lâu không tại số trời
Người mà biết sống thì người sống lâu.*

(Báo Nhân dân 12.1955)

Tấm gương rèn luyện thân thể của Bác Hồ là mẫu mực. Trong suốt quá trình ra đi tìm đường cứu nước trong những ngày gian khổ, khó khăn, Bác Hồ vẫn không ngừng luyện tập, Người tập leo núi, tập bơi giữa dòng nước lạnh. Trong kháng chiến gian nan, Người luôn tập thể thao, cưỡi đất, tăng gia sản xuất, tự mang vác hành lý riêng mỗi lúc hành quân đi chiến dịch, Người thường dùng hòn đá cuội để rèn luyện đôi tay khi viết khởi run. Những năm cuối đời Bác bị bệnh viêm họng

mãn tính, có lúc ho ra máu. Bác sĩ kiểm tra họng thấy vỡ một mạch máu nhỏ, giọng bị khản, nói không thành tiếng. Đúng vào thời điểm sắp Tết âm lịch, phải đọc thư chúc Tết cho đồng bào cả nước; vì vậy Bác hàng ngày kiên trì tập đọc, kết hợp với chữa bệnh; cuối cùng nhờ kiên trì, tiếng nói của Người trở lại bình thường. Tết năm đó đồng bào cả nước háo hức chờ đón giọng nói sang sảng của Bác như mọi lần Tết đến.

Thói quen của Người già rất khó bỏ, đặc biệt như thói quen hút thuốc, uống rượu, cà phê. Khi thấy sức khỏe Bác giảm sút, bác sĩ yêu cầu Bác Hồ bỏ thuốc và rượu. Tuy có khó khăn, nhưng với quyết tâm cao Người đã:

Thuốc không, rượu chẳng có mừng xuân

Để khiến thi nhân hóa tục nhân

Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt

Tỉnh ra thêm phấn chấn tinh thần.

Khoảng đầu tháng 8-1969 sức khỏe của Bác có triệu chứng giảm sút nghiêm trọng. Ngày 12-8-1969, Bác đến thăm phái đoàn ta từ Pari về nước. Gặp thời tiết mùa lũ lụt, trên đường về Người bị cảm, viêm phổi, sốt cao. Từ ngày 18-8-1969 theo đề nghị của bác sĩ, Người chuyển từ nhà sàn xuống căn phòng nhỏ gần nhà sàn để thuận tiện việc theo dõi chăm sóc sức khỏe cho Người. Ngày 28 - 8 điện tâm đồ thấy có phản ứng nhồi máu thành mạch cơ tim. Kể từ ngày 26 - 8 bệnh của Người ngày

càng nặng dần. Các đồng chí trong Bộ Chính trị thay phiên nhau túc trực bên giường bệnh. Trung ương tập trung mọi khả năng cao nhất để chạy chữa cho Người. Ngày 28 - 8 tim bắt đầu có nhịp đập không đều, có dấu hiệu loạn phần nhĩ thất. Lúc tỉnh dậy thấy các đồng chí vào thăm, Người yêu cầu các đồng chí trở về với công việc. Tuy sức khỏe nguy kịch, nhưng tâm trí Người rất tỉnh táo. Bác thường hỏi về tình hình chiến sự miền Nam. Lắng nghe đồng chí báo cáo viên giới thiệu tình hình các chiến trường. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc đó là Phó bí thư Trung ương Cục miền Nam vào thăm, Bác hỏi thăm tình hình đồng bào chiến sĩ miền Nam. Tuy yếu nhưng Người cố tỏ ra bình thường, vui vẻ để đồng chí yên lòng là Bác vẫn còn khỏe mạnh. Bác ốm nặng vào đúng mùa lũ lụt, nước sông Hồng dâng cao. Bộ Chính trị quyết định chuyển Bác về nơi sơ tán đã được chuẩn bị trước. Biết tin, Người nói với đồng chí Phạm Văn Đồng: “Bác không thể bỏ dân mà đi được. Các chú phải làm sao để đe không vỡ, chứ không phải lo riêng cho Bác”.

Ngày 29-8, Trung ương Đảng đã thông báo nội bộ về sức khỏe của Bác. Ngày 31-8 tuy mệt nhưng Người cố ăn được một chút cháo. Được tin bộ đội tên lửa bắn rơi chiếc máy bay không người lái của Mỹ trên bầu trời Hà Bắc, Người dặn gửi tặng lẵng hoa của Người cho Sư đoàn tên lửa 361.

Tối 1-9 Người nói với hai đồng chí Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp để Bác ra gặp đồng bào chừng 5 phút nhân ngày Quốc khánh. Đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo Bác là đã tổ chức lễ Quốc khánh tối qua rồi. Người lặng đi giây lát, hy vọng gặp đồng bào lần cuối đã không thành.

9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 trái tim Bác ngừng đập. Đúng vào ngày này năm 1945, Người đã khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Do ngày mất của Bác trùng với ngày kỷ niệm Quốc khánh nên lúc đó Bộ Chính trị quyết định công bố ngày mất của Bác là ngày 3-9.

Ra đi “gặp cụ Các Mác, cụ Lênin” Bác để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản vĩ đại đó là độc lập tự do, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh rọi sáng muôn năm.

Đặc biệt, Người để lại một văn kiện vô giá cuối cùng của mình đó là bản *Di chúc* lịch sử. Ta còn nhớ bức ảnh chân dung Bác chụp năm 1965, lúc Bác thọ 75 tuổi, là bức ảnh chân dung đẹp nhất. Lúc này sức khỏe Bác rất tốt. Người đã chọn lúc mình khỏe mạnh, minh mẫn, chọn đúng tháng đẹp nhất trong năm là tháng sinh nhật mình để viết về việc ra đi vĩnh viễn của mình. Khi bắt tay viết *Di chúc*, Bác không gọi là *Di chúc* mà là “Tài liệu tuyệt đối bí mật”. Sau này khi công bố tài liệu đó ta gọi là *Di chúc*. Đây là tài liệu tự tay

Bác viết, tự tay Bác đánh máy. Bác bắt đầu viết từ ngày 10 đến ngày 14-5-1965. Mỗi ngày Bác dành một đến hai tiếng để viết. Hoàn thành bản *Di chúc* đầu tiên gồm 3 trang đánh máy, để ngày 15-5-1965.

Sau đó hàng năm cứ vào dịp sinh nhật Bác lại đem "Tài liệu tuyệt đối bí mật" ra bổ sung, sửa chữa. Năm 1966, Người thêm phần nói về Đảng: "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Năm 1968 Bác Hồ bổ sung thêm 6 trang viết tay về việc riêng và những công việc cần làm sau ngày chiến thắng giặc Mỹ xâm lược. Ngày 10-5-1969 Bác sửa lại trang đầu bản *Di chúc*, đó là lần hoàn chỉnh cuối cùng của bản *Di chúc* lịch sử. Kết tụ tư tưởng, đạo đức, tâm hồn trong sáng của bậc vĩ nhân, là kết tụ tinh hoa thời đại, tâm hồn dân tộc, non sông nghìn năm, khí phách tinh thần lạc quan, của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng; mỗi câu, mỗi chữ trong *Di chúc* đều toát lên nhân cách của một con người suốt đời phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. *Di chúc* như một bài thơ tuyệt hay của Bác. Mỗi chữ được dồn nén từ trong sâu lắng của tâm hồn, cảm xúc yêu thương đồng bào, yêu quý thiên nhiên. Mỗi một người dân nước Việt Nam từ cụ già, em bé, phụ nữ, người vương bụi trần... đều nhận được từ trái tim nồng hậu của Bác lời yêu thương hết mực. *Di chúc* của Bác toát lên vẻ đẹp của văn phong Việt Nam. Sức cuốn

hút của nghệ thuật ngôn từ rất giản dị, dễ hiểu mà chứa đựng những thông tin hàm súc. Mỗi chữ đều được đặt đúng vị trí của nó, tưởng chừng không thể thay thế được.

Một mẫu mực văn phong độc đáo, sâu lắng, đậm đà bản sắc tự sự, thân thiết với cái vĩ đại ở nội hàm tư tưởng, hòa quyện giữa bác học và đời thường, sáng chói một áng văn tuyệt bút.

Bác viết về “việc riêng” mà ai ai, đời đời soi vào như thấy việc của mỗi người, của mọi người, nói về cái chung: ai cũng hiểu rất cụ thể là việc của mình; nói về cái chết mà ung dung, bình tĩnh, không bi lụy, bi quan, mà truyền đến cho mỗi con người niềm lạc quan, tin tưởng, pha chút hóm hỉnh, dí dỏm, để có nhận thức về quy luật tự nhiên Tạo Hóa. Trí tuệ minh mẫn tuyệt vời, nhìn xa vào tương lai một cách rất cụ thể đến nỗi chính người đương thời không nhận ra hiện tại những việc mình đương làm, đương chứng kiến mà Bác đã nhìn thấy trước đó hàng chục năm...

79 mùa xuân Hồ Chí Minh, đã mang lại sức xuân vĩnh cửu cho mùa xuân dân tộc. Từ người đi tìm đường cứu nước trở thành người dẫn đường cho dân tộc, cho thời đại hướng tới tương lai, Hồ Chí Minh đã đi trọn 79 mùa xuân, đi trọn vào lòng đồng bào, sống mãi với non sông đất nước.

MỘT SỐ MẪU CHUYỆN VỀ ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY CỦA BÁC HỒ

VIỆT PHƯƠNG

Khi kể những câu chuyện này, tôi nghĩ đến một câu châm ngôn nói: Trong những việc lớn ở đời, con người ta hiện ra như người ta muốn rằng người ta như thế, còn trong những việc nhỏ thì người ta mới hiện ra đúng với cái chất của người ta. Cứ nghĩ đến câu ấy và lượng sức mình, tôi càng chỉ muốn kể những câu chuyện nhỏ hằng ngày của Bác Hồ, để chúng ta cùng nhau thống nhất trong việc lớn cũng như trong việc nhỏ, khi lãnh đạo cách mạng cũng như trong cuộc sống hàng ngày, Bác Hồ luôn luôn vẫn là Bác Hồ.

Tôi cũng muốn nhắc lại lời của một nhân vật trí thức trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Nga Đốt-xtôi-ép-xki, đầu đề là "Anh em nhà Ca-ra-ma-dốp", nhân vật ấy trong một phút chân thực đã thú nhận thế này: Tôi càng yêu con người chung chung một cách nồng nhiệt bao nhiêu thì tôi càng không yêu

những con người cụ thể sống quanh tôi chừng ấy. Mà tôi càng ghét những con người cụ thể sống quanh tôi chừng nào, thì tôi càng cố yêu con người chung chung một cách nồng nhiệt bấy nhiêu.

Cũng vì nghĩ đến lời ấy, nên hôm nay tôi xin kể những câu chuyện về cuộc sống của Bác với những người rất cụ thể, những anh em ở gần phục vụ Bác.

Tôi xin nói từ nơi ăn chốn ở của Bác, tôi sẽ nói ở Hà Nội, hằng ngày Bác đã sống như thế nào. Tôi kể trong khoảng thời gian 15 năm, từ sau cuộc kháng chiến lần thứ nhất, Bác về Hà Nội.

Nơi ở, bữa ăn

Cuối năm 1954, mới về Hà Nội, Bác ở một chỗ khác, sau đó ít lâu mới chuyển về ở chỗ Phủ Chủ tịch hiện nay. Lúc đến đó, tự Bác đi chọn chỗ ở. Đó là buồng của người thợ điện ngày xưa ở trong khu ấy. Lúc Bác chọn, trên sàn nhà đang còn một bộ phận máy nổ, dầu mỡ còn vấy bẩn ra sàn. Bác chọn rồi, anh em mới khuôn bộ phận máy nổ đi, quét tước sửa sang và mời Bác vào ở đấy. Ngày nay, cái buồng người thợ điện ấy là một di vật trong khu bảo tàng của Bác.

Cái buồng người thợ điện rộng độ 12m². Trong buồng chỉ có một giường một cửa Bác, một bàn, một ghế để làm việc, một tủ nhỏ

đựng mấy bộ quần áo. Lúc ăn cơm, Bác sang buồng bên cạnh. Cái buồng người thợ điện ấy bất tiện mọi bề, tối lắm, ngày xưa người thợ điện chỉ về đây để nghỉ và ngủ thôi, người ta có làm việc trí óc ở đây đâu. Bác thì đặt bàn làm việc suốt ngày ở đây. Mùa đông buổi sáng đến 8 giờ cũng vẫn còn phải để đèn, buổi chiều đến 3 giờ rưỡi đã phải bật đèn mới đủ ánh sáng làm việc. Gió mùa đông bắc quất vào cửa chính. Về mùa hè cái buồng ấy nóng lắm, ít có nơi nào nóng như thế.

Mùa hè ở Hà Nội, mặt trời chiếu xuống, hơi nóng phả vào buồng Bác. Tháng 6, tháng 7, sờ tay vào tường buồng Bác, nóng hầm hập. Anh em nhiều lần xin Bác chuyển đến ở một chỗ ở khác cho tốt hơn, nhưng Bác không chịu. Những năm đầu, khi mới về Hà Nội, mùa hè Bác thường đi đến thăm những khu phố ở trung tâm thành phố như Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Thiếc, thấy khoảng độ 8 giờ tối ở trong nhà nóng quá, chịu không được, bà con thường đem chõng, đem chiếu ra nằm la liệt ở ngoài đường. Bác chỉ cho anh em cùng đi và nói. Đồng bào ở giữa Hà Nội còn cực như thế này, trong nhà nóng lắm chịu không được phải ra ngoài hè. Sau này, xây dựng tốt, chúng ta phải làm rộng ra để đồng bào ở thoáng. Bây giờ, Bác ở trong buồng người thợ điện ấy cũng phong lưu nhiều rồi đấy, các chú ạ. So với ngày xưa ở trên rừng, trong hang,

hay ở nhà sàn là sướng hơn rồi, so với đồng bào cũng sướng hơn rồi. Ngay ở Hà Nội này, chưa nói đến những nơi xa xôi, đời sống còn khổ hơn. Cứ ở đây thôi, không đi đâu cả.

Và Bác đã ở trong buồng người thợ điện ấy bốn năm, từ cuối năm 1954 đến khoảng đầu mùa thu năm 1958. Đến đầu mùa thu năm 1958, Bác có việc đi thăm một số nước ngoài vắng nhà gần hai tháng; anh em nhân dịp ấy mới làm cái nhà sàn gỗ mà chúng ta đã biết. Lúc về, Bác nhận ở cái nhà sàn gỗ ấy, mới thôi ở cái buồng người thợ chữa điện. Khoảng độ năm 1957, thấy Bác vẫn cứ ở cái buồng rất nóng, anh em đề nghị Bác cho lắp máy điều hòa không khí để mùa hè nó quạt mát và mùa đông nó sưởi nóng trong nhà. Lúc ấy bác sĩ Phạm Ngọc thạch trông nom sức khỏe của Bác Hồ có đề nghị mấy lần, Bác đều không bằng lòng. Đến khi đề nghị nữa, Bác bảo:

- Các chú đã gạ Bác đến mấy lần, chắc các chú đã chuẩn bị sẵn một cái máy như thế rồi. Bác không cần, Bác không dùng cái máy ấy đâu. Có cái máy ấy rồi thì ý của Bác thế này: Chú đem về bệnh viện, lắp vào buồng những người bệnh đau nặng. Và trước sau không bao giờ Bác Hồ bằng lòng cho lắp máy điều hòa không khí vào buồng mình ở.

Cái nhà sàn gỗ ở Hà Nội tạo theo hình cái nhà sàn bằng tre của Bác Hồ ở Việt Bắc, nên ở đây tôi kể ngược lại một chút. Lúc chúng ta

rời Hà Nội ra đi vào cuộc kháng chiến lần thứ nhất, khoảng độ một năm, Bác Hồ không có nhà riêng. Khi đến một nơi nào đấy, thì làm một cái nhà tre, không làm theo kiểu nhà sàn, mà làm sát ngay ở mặt đất. Mãi đến khoảng sau chiến dịch thu đông năm 1947, anh em mới xin Bác làm một cái nhà riêng để Bác ở cho yên tĩnh hơn, vì ở chung với anh em trẻ, họp hành, bàn bạc ồn ào, không giữ yên tĩnh được cho Bác. Bấy giờ, Bác bằng lòng và từ đó làm cho Bác cái nhà sàn nhỏ, cao, thoáng, đỡ bị hơi ẩm từ đất lên.

Tại Hà Nội, cái nhà sàn bằng gỗ tạc theo hình của nhà sàn bằng tre nửa ấy. Nó không có một chút gì là sang và to cả. Nhỏ nhắn và thanh bạch. Khi Bác đi vắng, những anh em có trách nhiệm làm cái nhà sàn gỗ đã có tính toán. Nhiều người muốn dùng gỗ lim, gỗ tốt, loại một, làm nhà đó để giữ được lâu dài về sau. Nhưng vì biết tính Bác nên không dám làm. Cuối cùng là dùng gỗ thường để làm cái nhà sàn. Anh em ở trong khu ấy bỏ công sức ra một phần, rồi nhờ thêm ở bên ngoài một phần nữa, làm nên cái nhà sàn gỗ giản dị. Khi về báo cáo như vậy, thì Bác bằng lòng ở.

Căn nhà sàn gỗ cách buồng người thợ điện một cái hồ nhỏ độ 6 sào nước. Từ nhà sàn gỗ về nhà người thợ điện đi qua một cái cầu và đúng một nửa vòng tròn bao quanh cái hồ ấy. Bếp thổi cơm cho Bác vẫn ở phía bên này hồ,

sát cạnh buồng người thợ điện. Khi Bác nhận sang ở nhà sàn gỗ rồi, mới thưa với Bác: hằng ngày làm cơm xong, để anh em mang cơm sang Bác ăn, Bác đỡ phải đi đi về về. Bác không chịu, Bác bảo thế này: người ta có chân là để đi chứ. Ngày xưa lúc còn ở trên rừng Việt Bắc, khi cần Bác vẫn đi được 50km một ngày. Về đến Hà Nội này, vì để bảo vệ, ra khỏi cổng là phải ngồi ô tô rồi. Thế thì trong này phải để cho Bác đi chứ. Người đi đến bữa cơm, chứ không ngồi chờ bữa cơm đi đến với người. Các chú làm cơm xong, cứ để bên ấy. Hằng ngày Bác đi về Bác ăn cơm thôi. Và Bác làm đúng như thế.

Trong nhà sàn, tất cả đều bằng gỗ. Có chẳng là một bàn nhỏ, Bác ngồi làm việc, thì bằng mây. Không một thứ gì hơi dài các đôi chút mà có thể đứng được ở đây. Nó lạng lạng ngay lập tức. Lúc Bác đã 79 tuổi, Bác mệt, anh em sợ Bác ngồi toàn trên ghế gỗ như thế thì có lúc mỏi nhiều chẳng, mới mang hai cái ghế: một ghế tựa với một ghế đầu, từ nhà khách sang, để Bác ngồi trên ghế có đệm và thỉnh thoảng có mệt thì đặt chân lên ghế đầu đệm bông cho đỡ mỏi. Để đầy độ vài ba ngày, Bác chẳng dùng đến. Một bữa Bác bảo: Này, trông mấy thứ này nó dài các thế nào ấy, các chú ạ. Bác chẳng dùng đâu, thôi mang cất nó đi. Thế là phải mang cất đi.

Cái nhà sàn gỗ cao như thường tính Bác

thích ở cao. Cao hơn 2 mét. Từ dưới nhà lên, đến hơn 10 bậc thang. Ngay ở dưới có kê một cái bàn dài với mấy cái ghế để thỉnh thoảng các đồng chí cán bộ đến làm việc với Bác ngay ở đây. Sau khi Bác mất, cái nhà sàn được chụp đăng trên báo ta thấy nó nhỏ, nhưng thật ra nó còn nhỏ hơn thế.

Khỏi bậc thang cuối cùng là bước vào hành lang. Hành lang chạy bốn phía chung quanh nhà Bác chiếm khoảng chừng một nửa diện tích. Còn một nửa diện tích chia hai buồng. Buồng gọi là buồng ngủ được độ 9 mét vuông, mỗi bề không được 3 mét, hình vuông. Trong đó kê một giường một rộng hơn giường ở trong nhà tập thể chúng ta. Cách độ một mét là một cái bàn loại nhỏ, để thỉnh thoảng Bác ngồi làm việc ở ngay đây. Bác được biếu những cặp chiếu to rộng, dệt đẹp lắm, chắc là anh em đã cẩn thận lựa chọn từng sợi cỏi để dệt những cặp chiếu ấy. Cặp nào cũng có hoa cả. Giữa chiếu vẽ một chữ thọ đỏ to tướng. Tất cả những chiếu ấy khi chưa kịp tặng bệnh viện hoặc nhà trẻ, đều nằm trong kho, không bao giờ Bác dùng. Bác bảo: "Bác chẳng quen nằm chiếu hoa đâu, các chú ạ, cho Bác một chiếu trơn thôi". Giường Bác nằm bao giờ cũng chỉ có chiếu trơn. Ngoài cái chiếu trơn, đầu giường có một cái gối trơn không thêu gì cả, một chăn đơn và một chăn len Bác dùng mùa rét.

Bên cạnh đó, cái buồng gọi là buồng làm việc của Bác lại càng giản dị hơn nữa. Cả buồng có mỗi một bàn, một ghế. Buồng này cũng như buồng bên cạnh, rộng độ 9 mét vuông. Nhưng bước vào ta có cảm giác là nó rộng, bởi vì nó chỉ có một bàn, một ghế.

Bức tường gỗ ngăn hai buồng ấy được làm có chỗ hõm vào. Anh em bắc ba thanh gỗ, làm thành mấy bậc, tựa như một cái tủ không có cửa đóng. Trên mấy bậc ấy, có để mấy tờ báo Bác đọc thường ngày, một số cuốn sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, một hình Lênin. Cái máy chữ Héc-mét của Bác đã dùng mấy chục năm nay để ở ngăn cuối cùng và một đôi thứ đồ dùng lặt vặt như cốc uống nước của Bác hằng ngày.

Thường ngày Bác ngồi ở đầu hồi làm việc, trông thẳng ra hồ. Bên cạnh hồ, Bác trồng bốn cây dừa, tự tay Bác chăm sóc. Ở gần đầu hồi ấy, là cây vú sữa miền Nam. Năm 1958, khi Bác chuyển sang ở nhà sàn gỗ, cây vú sữa miền Nam trước cửa buồng người thợ điện lên đến độ bằng ngực chúng ta. Bác cùng các đồng chí bứng lên mang sang nhà sàn gỗ trồng ở đầu hồi. Bác tự mình tiếp tục trông nom chăm sóc nó. Bây giờ nó lên cao quá mái nhà của Bác rồi. Nó tỏa ra cả một vùng rộng sum suê. Nó là một cây to, gốc có đường kính 35-40 xăngtimét. Hằng ngày Bác cứ ngồi trên hành lang gần cây vú sữa ấy, nhìn ra bờ hồ mà làm việc.

Bác Hồ đã ở 11 năm, cho đến giữa năm 1969, trong cái nhà sàn gỗ, suốt cả bốn năm chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đối với miền Bắc, kể cả thời gian nó đánh ác liệt nhất vào Hà Nội. Bây giờ, Bác tuổi đã cao, sức khoẻ không phải như trước nữa. Anh em lo lắng lắm, cứ gặp nhau là bàn tính việc ở của Bác. Máy bay giặc vào cách Hà Nội 25 kilômét là nó phóng tên lửa. Anh em lo lắng, cứ làm một nơi không phải nhà sàn lên xuống khó khăn nữa, nơi này sát mặt đất và ở trong có những thiết bị an toàn phòng không. Khi làm, cũng tranh thủ làm ngày, làm đêm nhân một dịp Bác đi công tác. Khi về, thấy cái nhà như thế, Bác nói:

- Cũng được, để khi nào cơ quan lãnh đạo họp, có nhiều đồng chí phụ trách đến làm việc với Bác, thì họp ở nhà ấy cho chắc chắn. Còn lúc ở một mình, Bác cứ ở nhà sàn gỗ này thôi. Các chú lo cho Bác cũng phải như lo cho dân ấy. Lo cho dân thế nào thì lo cho Bác thế. Bây giờ phải lo cho dân có đủ hầm hào. Ở Hà Nội này đã có đủ chưa? Nơi giặc đánh ác liệt như Quảng Bình, Vĩnh Linh, phải lo cho có hào giao thông trong làng, có hào giao thông ở ngay ngoài đồng nữa để đỡ tổn thất. Phải lo thế cho đồng bào, cho dân và lo cho Bác cũng như lo cho dân, cho đồng bào vậy. Dân chịu được thế nào, Bác chịu được như vậy.

Khoảng từ giữa năm 1969 trở về sau, đến những ngày cuối cùng, Bác có chuyển sang một nơi khác theo yêu cầu của bác sĩ, bởi vì bây giờ Bác mệt hơn, lên thang, xuống thang không hợp sức khoẻ nữa. Đây là nơi Bác đã ở đến giờ chót. Nó cũng ở trong khu bảo tàng phía sau nhà sàn gỗ không mấy bước đường. Nơi Bác ở sau cùng đó do chúng ta làm, nên nó đã đàng hoàng hơn, sáng sủa hơn buồng người thợ điện, nhưng cũng rất giản dị. Trong ấy có kê một giường một vừa bằng khổ giường một. Bác đã nằm trên giường ấy thời gian Bác đau nhiều. Cách đây vài bước, có một bàn dài khoảng hơn 2 mét với mấy cái ghế. Bàn dài là nơi Bác ngồi làm việc một đầu. Đến giờ ăn cơm thì Bác quay sang đầu bên kia ngồi ăn. Giữa bàn, Bác đặt một máy thu thanh do miền Nam gửi ra biếu Bác.

Trong những năm ấy, Bác đã sống hàng ngày như thế nào?

Mùa hè nóng lắm, Hà Nội là vào nơi nóng bậc nhất ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng như đã nói, Bác không cho lắp máy điều hòa không khí. Còn quạt máy thì cho đến năm 78, 79 tuổi, Bác vẫn không chịu dùng quạt trần và quạt để bàn.

Có một lẽ Bác không nói ra và đây mới là lẽ chính sâu xa ở trong lòng. Số đông người Việt Nam ta ngày ấy chưa có quạt máy để dùng, cho nên từ trong lòng, Bác hồ không

muốn dùng quạt máy. Những ngày hè nóng nực nhất, Bác Hồ chỉ dùng quạt giấy và quạt nan thôi.

Đây là mùa hè. Còn về mùa đông, Bác Hồ có một áo bông của đồng bào biếu. Bác dùng nhiều năm rồi. Mới đầu bông xộp còn đầy, ấm. Sau dùng mãi nó lép kẹp xuống không ấm lắm nữa. Nhưng chưa ai dám nghĩ đến việc xin Bác bỏ cả mền bông đâu, chỉ nghĩ đến thay cái vỏ ngoài. Lúc đầu cái vỏ bằng vải mới, dần dần nó phai màu, đứt chỉ ở khuỷu tay và ở cổ. Bác bảo mại lại. Nó rách ở vai thì Bác bảo vá vai. Mùa rét vừa qua, tháng 2 năm 1969, nó lại rách một miếng nữa ở vai, những đồng chí chuyên săn sóc sức khỏe của Bác nhân dịp ấy mới nhắc một đề nghị đã nhiều lần: Xin Bác cho thay vỏ ngoài, nó lại rách một lần thứ hai ở vai rồi. Đây là một người bạn chiến đấu mấy chục năm nay của Bác, cho nên bác nói thẳng, thân tình lắm. Bác quay lại bảo đồng chí ấy thế này: "Này chú ạ, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước mặc áo vá vai thế này là cái phúc của dân đấy. Đừng bỏ cái phúc ấy đi". Và nhất định Bác không cho thay cái vỏ mới. Bây giờ trong bảo tàng vẫn là cái áo bông vá vai như thế. Bác còn có lò sưởi điện. Bác có mấy cái, nhưng Bác lại càng ít dùng lò sưởi điện. Cũng vì lẽ không muốn phụ thuộc vào lò sưởi điện, nhất là vì lẽ số đông người Việt

Nam không có lò sưởi điện hằng ngày sưởi về mùa đông.

Ở đây cũng rõ một nét trong đời sống hàng ngày của Bác. Bất kỳ cái gì có tí lãng phí cũng quyết không để lãng phí. Nhưng đã cần thì dùng cho đủ mức cần.

Về việc tiết kiệm điện, không biết bao nhiêu lần, tự tay Bác tắt những cái đèn, cái quạt và cái đài đang tiêu điện mà không ai dùng cả. Ở nước ta thế mà khi ra nước ngoài cũng thế. Đi lướt qua một hành lang trên con đường đến nơi nào đó bạn tiếp khách hay trong nhà khách của bạn, thấy có một bóng đèn điện để đấy không cần là Bác tìm xem chỗ tắt bật ở đâu, Bác tắt đi. Có đồng chí ở với Bác khá nhiều năm đã nói:

- Tất cả các năm mình ở với Bác, luôn luôn mình là cán bộ tắt đèn. Bác cứ thấy xa xa có những bóng đèn đang sáng, Bác bảo xem lại có ai ở đấy không, có cần để ánh sáng để bảo vệ không? Nếu không thì tắt đi.

Suốt thời gian 15 năm từ ngày về Hà Nội, Bác nhận một ô tô loại trung bình chứ không phải loại sang nhất và Bác cứ dùng thế mãi cho đến khi qua đời.

Đi công tác, Bác bảo nắm cơm ở nhà đi mà ăn. Trên đường tính toán đến giờ ăn cơm dừng lại một chỗ nào giữa đường Bác cháu ăn với nhau. Đến nơi, nói với địa phương Bác ăn cơm rồi. Bác thích thế, đỡ

phiên bữa cơm, mất thì giờ của anh chị em. Bác nói: "Người ta dọn ra một bữa sáng, có khi Bác chẳng ăn đâu, nhưng rồi để lại cái tiếng: đây, Bác Hồ đến thăm cũng làm bữa cơm sang, cũng điều người này, người khác từ giao tế sang, chuẩn bị cả buổi. Thế là tự Bác, Bác bao che cho cái chuyện xôi thịt. Không, như thế thì nắm cơm mang theo ăn cho tiện, ăn no rồi đến làm việc".

Tháng 2 năm 1969, Bác muốn đi thăm rừng quốc gia Cúc Phương. Một số đồng chí lãnh đạo giới thiệu ở đó có nhiều cái hay. Bấy giờ Bác mệt rồi, đi bằng ô tô cũng khó. Anh em mới xin: Thôi, chuyến này đi thăm rừng Cúc Phương, Bác đi máy bay lên thẳng, để khi nào có người của chúng ta bị tai nạn hoặc bị đau nặng ở vùng hẻo lánh khó chạy chữa thì dùng máy bay lên thẳng đón về nơi trung tâm có bệnh viện lớn. Hoặc lúc nào nước sông lên to, mùa bão cần đi hộ đê thì lấy máy bay lên thẳng mà dùng. Chứ không phải bất kỳ đi đâu, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước cứ dùng máy bay bay lên thẳng mà đi". Nhất định không dùng. Và vì thế nên có một ý muốn của Bác là đi thăm rừng Cúc Phương, cuối cùng Bác không thực hiện được. Nhưng thà thế chứ Bác không dùng máy bay lên thẳng.

Tháng 4-1969, lúc ấy Bác đã mệt rồi, Bác đọc trên báo thấy có tin bầu cử Hội đồng

nhân dân khu phố Ba Đình. Bác là công dân khu phố này. Bác nói Bác sẽ đi bầu cử. Anh em lúc ấy không muốn để Bác đi. Bác đã mệt, sợ lúc Bác đi bầu cử có đông đồng bào, thấy Bác mệt, đồng bào lo cho Bác Hồ. Nhưng không dám nói điều ấy với Bác, mới nói thác đi: "Thưa Bác, lúc bầu hội đồng nhân dân thành phố Bác đã đi bầu rồi, đây là một khu phố, chờ đến dịp bầu toàn thành phố lần sau, Bác lại đi bầu". Bác bảo: "Bác là công dân, Bác sẽ đi bầu". Khi chuẩn bị bầu, Bác cẩn thận lắm. Bác bảo: "Ấy, đừng có làm cách lãnh đạo Bác nhé. Đừng nói Đảng ủy đã hướng dẫn danh sách có 7 ứng cử viên thì xóa 2 cái tên ở dưới. Cho Bác xem lý lịch của những người ấy, có chú nào dự buổi các ứng cử viên ra mắt, trình bày ý kiến với cử tri, thì nói cho Bác nghe. Tốt nhất là hỏi han nhận xét của nhân dân khu phố đối với từng ứng cử viên, cho bác biết để Bác tự cân nhắc Bác bầu". Lúc Bác đi bầu, ở cái buồng bầu, người ta đã quây cót, hoặc quây chiếu làm thành những góc kín đáo để cử tri vào đấy bầu. Bác đi, đồng chí bảo vệ đi theo, rồi các đồng chí cán bộ Đảng và chính quyền khu phố cứ bám sát lấy Bác để giữ gìn cho Bác, định theo cả vào nơi bầu nữa. Đến góc chiếu, Bác dừng lại:

- Dứt khoát mời các chú ra ngoài, bảo đảm tự do và bí mật cho công dân. Một mình Bác bầu cho ai, không người nào biết cả.

*

* *

Bác đi nhiều nơi trên thế giới rồi, nhưng suốt đời chỉ thích ăn những món ăn Việt Nam. Những món ăn quê hương xứ Nghệ thì Bác càng có cái thích riêng. Bác thích nước mắm Việt Nam bỏ rau muống Việt Nam non luộc lên rồi ăn rau và uống cả nước rau. Các thứ rau tươi của Việt Nam, một bát canh nấu theo kiểu Việt Nam, không phải đậm đặc bao nhiêu chất, mà thanh bạch, ngọt nhẹ nhàng cái ngọt của rau. Một quả cà xứ Nghệ, một đĩa dưa cải muối vừa chua đến, Bác thích gia vị. Khi nhiều tuổi rồi, bác sĩ khuyên Bác đừng dùng gia vị nhiều, Bác bớt đi, chứ còn thường thì Bác thích một múi chanh vắt vào nước chấm, cắt mấy lát ớt tươi đỏ, vừa đậm đà, vừa đẹp mắt.

Khoảng thời gian đó, chúng ta bắt đầu ăn độn, Bác bảo:

- "Các chú thối cơm độn cho Bác, cán bộ và nhân dân ta ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy, giống y như cán bộ với dân". Năm ấy, Bác 75 tuổi rồi, xin Bác đừng ăn độn nữa, ngay đồng bào các cụ già nhiều tuổi cũng không phải ăn độn. Bác bảo: "Không, Bác cũng nhiều tuổi nhưng Bác còn khỏe, Bác theo cán bộ được. Cán bộ thế nào thì Bác như thế, cứ thối cơm độn cho Bác ăn".

Khi đi công tác ăn nắm cơm độn hay miếng bánh mỳ. Bác cũng ăn như cách ở nhà. Bác bảo chọn giữa đường một nơi phong cảnh hữu tình, đến giờ ăn thì Bác, cháu dừng lại trả ra hai tờ báo cũ rồi mỗi người có tiêu chuẩn ăn của mình mang ra để chung cả vào cùng nhau ăn.

Một điều đặc biệt nữa trong cách ăn của Bác, điều này tôi cho lớn chứ không nhỏ, là: khi Bác ăn xong, đồng chí lên giúp dọn mâm đi, bao giờ cũng chỉ phải làm hai động tác rất giản đơn. Tay phải nhắc mang đi tất cả những gì Bác đã ăn xong và đã thu dọn. Còn tay trái nhắc đĩa nào thức ăn còn nguyên Bác đã xếp gọn, mang đi dùng làm gì thì dùng. Không bao giờ phải mất công thu dọn vun vén lại cho Bác. Điều này Bác rất chú ý. Đi đâu gặp công nhân, cán bộ, quân đội, sinh viên, hễ có dịp là Bác thường nhắc nhở. Bác nói, ăn rồi, mỗi người một tay thu dọn cho gọn giúp người lao động, đồng chí của mình. Bác còn bảo thêm: "Mà như thế là kính trọng người lạ; gì chứ việc mình ăn xong, đưa bát bản nhếch nhác, mình để đó ai dọn? Nhờ anh em, nhờ việc gì chứ việc này mình thử nghĩ xem, có nên tự mình thu xếp gọn gàng không?".

MỤC LỤC

Phần I

Quê hương và gia đình	7
-----------------------	---

Phần II

Đi tìm đường cứu nước. Những hoạt động cách mạng ở nước ngoài	21
---	----

Phần III

Thành lập Mặt trận Việt minh - lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thắng lợi. Sáng lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa	129
--	-----

Phần IV

Xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ, chuẩn bị kháng chiến lâu dài	153
--	-----

Phần V

Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)	175
---	-----

Phần VI

Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân đồng lòng xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam	185
---	-----

Phần VII

Trọn cuộc đời 79 mùa xuân	201
Một số mẫu chuyện về đời sống hằng ngày của Bác Hồ	207

